TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

HÀ THÚY HIỀN

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2453011093

NINH BÌNH, 2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

HÀ THÚY HIỀN

KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mã sinh viên: 2453011093

NINH BÌNH, 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi, các số liệu, kết quả nêu trong khóa luận là trung thực, xuất phát từ tình hình thực tế của Công ty TNHH Hải Nam.

Ninh Bình, Ngày.....Tháng.....Năm....

Sinh viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Thúy Hiền

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Sinh viên Hà Thúy Hiền đã nghiên cứu nghiêm túc và hoàn thành đúng tiến độ các giai đoạn của quá trình làm chuyên đề khoá luận tốt nghiệp. Có tinh thần học hỏi, tìm kiếm tài liệu và chỉnh sửa bài theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn. Các nội dung trình bày theo đúng đề cương đã được duyệt, đề tài đảm bảo tính khoa học và có ý nghĩa thực tiễn cao.

Ninh Bình, ngày 10 tháng 05 năm 2024

Người hướng dẫn khoa học

(Ký, ghi rõ họ tên)

ThS. Lê Thị Uyên

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BCKQHĐKD	: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
CCDC	: Công cụ dụng cụ
CKTM	: Chiết khấu thương mại
CKTT	: Chiết khấu thanh toán
CPSXC	: Chi phí sản xuất chung
CPTC	: Chi phí tài chính
DTT	: Doanh thu thuần
GTGT	: Giá trị gia tăng
KC	: Kết chuyển
KQKD	: Kết quả kinh doanh
KPCĐ	: Kinh phí công đoàn
TGNH	: Tiền gửi ngân hàng
TK	: Tài khoản
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	: Tài sản cố định
UNC	: Ủy nhiệm chi
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
VNĐ	: Việt Nam đồng
XĐKQKD	: Xác định kết quả kinh doanh

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp được thanh toán: 13
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 14
Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính..... 15
Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán thu nhập khác 16
Sơ đồ 1.5: Theo phương pháp kê khai thường xuyên 19
Sơ đồ 1.6. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ 20
Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán chi phí bán hàng..... 21
Sơ đồ 1.8: Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp..... 22
Sơ đồ 1.9: Trình tự kế toán chi phí tài chính 24
Sơ đồ 1.10: Trình tự kế toán chi phí khác..... 25
Sơ đồ 1.11: Trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp..... 26
Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh 27
Sơ đồ 2.1: Quy trình kinh doanh của công ty Công ty..... 34
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty 34

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình tài chính kinh doanh của công ty 48
Biểu 2.1: Đơn đặt hàng..... 51
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 39 52
Biểu 2.3: Sổ chi tiết TK 511 – Than cám..... 56
Biểu 2.4: Sổ chi tiết 511 – Than cục 1 57
Biểu 2.5: Sổ chi tiết TK 511 – Than cục xô..... 58
Biểu 2.6: Sổ cái TK 511 63
Biểu 2.7: Sổ chi tiết TK 515..... 67
Biểu 2.8: Sổ cái TK 515 68
Biểu 2.9: Sổ chi tiết TK 632..... 74
Biểu 2.10: Sổ cái TK 632 75
Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT số 25 77
Biểu 2.12: Sổ chi tiết TK 641..... 77
Biểu 2.13: Sổ cái TK 641 78
Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 0004594 80
Bảng 2.1: Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý 81
Biểu 2.15: Sổ chi tiết TK 642..... 84
Biểu 2.16: Sổ cái TK 642 86
Biểu 2.17: Sổ cái TK 635 89
Biểu 2.18: Sổ cái TK 421 100
Biểu 2.19: Sổ cái TK 911 101
Biểu 2.20: Sổ Nhật ký chung 102
Biểu 2.21: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..... 106

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 2.1: Bàn làm việc của phần mềm kế toán Misa mà công ty sử dụng..... 43
Hình 2.2: Màn hình giao diện danh mục nhà cung cấp 44
Hình 2.3: Màn hình giao diện danh mục khách hàng 45
Hình 2.4: Màn hình giao diện danh mục vật tư, hàng hóa, dịch vụ 46
Hình 2.5: Giao diện nhập liệu hạch toán doanh thu trên phần mềm Misa..... 54
Hình 2.6: Giao diện xem sổ chi tiết TK 511 55
Hình 2.7: Giao diện màn hình nhập liệu thu từ lãi tiền gửi 67
Hình 2.8: Giao diện màn hình tính giá vốn xuất kho 72
Hình 2.9: Giao diện màn hình xem sổ cái TK 632 74
Hình 2.10: Giao diện hạch toán chi phí vận chuyển thuê ngoài 78
Hình 2.11: Giao diện màn hình nhập liệu mua bảo hiểm máy móc, thiết bị dùng trong bộ phận quản lý 81
Hình 2.12: Giao diện nhập liệu hạch toán chi phí tiền lương tháng 2/2024 83
Hình 2.13: Giao diện màn hình nhập liệu trả tiền thuê máy xúc lật bánh lốp LG933L 88
Hình 2.14: Tờ khai quyết toán thuế TNDN 96
Hình 2.15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 97
Hình 2.16: Giao diện hạch toán thuế TNDN phải nộp năm 2024..... 98
Hình 2.17: Giao diện kết chuyển lãi lỗ trên phần mềm Misa 99
Hình 2.18: Giao diện xem BCTC trên phần mềm Misa 105

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN ..... **I**
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT ..... **III**
DANH MỤC SƠ ĐỒ ..... **IV**
DANH MỤC BẢNG BIỂU ..... **V**
MỞ ĐẦU **1**
CHƯƠNG 1 ..... **6**
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP **6**
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP **6**
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp 6
1.1.2. Yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp 6
1.1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp 7
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp 8
1.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP 10
1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác trong doanh nghiệp 10
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ *10*
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp *13*
1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính *14*
1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác *15*
1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp 16
1.2.2.1. Chi phí và các loại chi phí trong doanh nghiệp *16*
1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán *17*
1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng *20*
1.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp *22*
1.2.2.5. Kế toán chi phí tài chính *23*
1.2.2.6. Kế toán chi phí khác *24*
1.2.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp *25*
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 26
1.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh *26*
1.2.3.2. Phương pháp kế toán, tài khoản sử dụng và chứng từ kế toán *26*

1.2.4. Các hình thức ghi sổ kế toán 28
1.2.4.1. Chứng từ ghi sổ *28*
1.2.4.2. Nhật ký chung *28*
1.2.4.3. Nhật ký – Sổ cái *28*
1.2.4.4. Nhật ký – Chứng từ *28*
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM 32
2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH HẢI NAM 32
2.1.1. Giới thiệu chung 32
2.1.1.1. Thông tin chung về công ty TNHH Hải Nam *32*
2.2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Hải Nam 32
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh Công ty TNHH Hải Nam 33
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Hải Nam 34
2.1.3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty 34
2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ vủa từng bộ phận 35
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty 36
2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty 38
2.1.6. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty 48
2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM..... 50
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH Hải Nam 50
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ *50*
2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu *64*
2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính *65*
2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác *69*
2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty TNHH Hải Nam 70
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán *70*
2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng *76*
2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính *87*
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác *90*
2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN *90*
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 98
2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM 107
2.3.1. Ưu điểm 107
2.3.2. Hạn chế 108

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM 111

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN 111

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM 113

3.3. KIẾN NGHỊ THỰC HIỆN GIẢI PHÁP 113

3.3.1. Kiến nghị về phía nhà nước và cơ quan chức năng 116

3.3.2. Kiến nghị đối với Công ty TNHH Hải Nam 117

KẾT LUẬN 119

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 120

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, khi nền kinh tế của thế giới có những bước phát triển với trình độ ngày càng cao thì nền kinh tế của Việt Nam cũng đang dần phát triển theo xu hướng hội nhập với nền kinh tế của toàn cầu. Các doanh nghiệp không ngừng gia tăng sức cạnh tranh trên thị trường với hoạt động kinh doanh ngày càng sôi động và phong phú. Các doanh nghiệp ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đến sự phát triển của nền kinh tế của đất nước ta. Vì vậy, để ngày càng phát huy vai trò cũng như tạo nên sức mạnh trong việc đầu tư và phát triển, khẳng định được vị thế vai trò cũng như đẩy mạnh quá trình hội nhập và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, các doanh nghiệp cần phải tìm cho mình những chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Tối đa hóa lợi nhuận chính là mục tiêu quan trọng của các doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu đó các doanh nghiệp phải hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó cần phải quan tâm sâu sắc đến quá trình tiêu thụ sản phẩm - một khâu quan trọng cho biết những mục tiêu lợi nhuận mà doanh nghiệp đã đạt được trong một chu kỳ kinh doanh.

Mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Ở mỗi giai đoạn phát triển doanh nghiệp cần phải có những kế hoạch kinh doanh và quản lý doanh nghiệp phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và thế giới là một vấn đề hết sức quan trọng. Do đó việc tổ chức và quản lý hạch toán kế toán phục vụ nhu cầu nắm bắt, thu thập và xử lý các thông tin để đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh là yêu cầu tất yếu, giúp các đơn vị kinh tế thấy được quy mô, cách thức kinh doanh cũng như khả năng phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời trong tương lai. Đứng trước tình hình đó, Công ty TNHH Hải Nam bên cạnh việc tìm ra các biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thì việc tổ chức, quản lý hạch toán kế toán cũng là một yêu cầu tất yếu, góp phần quan trọng vào việc quản lý sản

xuất kinh doanh và đưa ra những quyết định kinh tế đúng đắn. Đặc biệt những thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chiếm vai trò quan trọng trong thông tin kế toán, luôn được lãnh đạo doanh nghiệp, nhà cung cấp, các nhà đầu tư quan tâm. Việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ góp phần tăng tính cạnh tranh, nâng cao chất lượng các quyết định của doanh nghiệp liên quan tới chu kỳ kinh doanh tiếp theo của doanh nghiệp và tăng thêm sự minh bạch về thông tin tài chính.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, sau một thời gian thực tập và tìm hiểu công tác kế toán tại công ty TNHH Hải Nam, em đã quyết định chọn đề tài "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam" làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong nền kinh tế thi trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả cao, có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Cũng chính vì thế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể điểm qua một số tác giả với một số đề tài cơ bản như sau:

Tác giả Vũ Thị Thương (2020) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: "*Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Tân Hoàng Hải NB*" đã đánh giá thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng của công ty từ đó đưa ra một số giải pháp và điều kiện thực hiện giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán bán hàng và xác định bán hàng nói riêng tại Công ty.

Tác giả Lã Hữu Đức (2021) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: "*Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát*" đã nghiên cứu thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại

công ty trên cơ sở lý luận chung từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty.

Tác giả Vũ Thị Hằng (2022) – Trường đại học Hoa Lư với đề tài: "*Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát*" đã đánh giá thực tế tình hình kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng của công ty, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tổng hợp và kế toán quản trị chi phí, doanh thu của công ty cũng như xác định kết quả bán hàng và điều kiện thực hiện các giải pháp.

Trong thời gian nghiên cứu tại Công ty TNHH Hải Nam, em nhận thấy nhìn chung công tác kế toán của công ty được tổ chức chặt chẽ, hiệu quả song vẫn tồn tại nhiều mặt hạn chế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Tuy nhiên chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty. Vì vậy, em mạnh dạn lựa chọn đề tài: "*Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam"*. Với mục đích cố gắng thực tập, nghiên cứu thực trạng của Công ty để từ đó đưa ra được ưu điểm, nhược điểm của Công ty và một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho Công ty.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Thông qua việc nghiên cứu đề tài "Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hải Nam" sẽ hệ thống và làm rõ được các vấn đề lý luận cơ bản về để tài nghiên cứu, mô tả được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hải Nam. Từ đó sẽ thấy được những thành tựu cũng như một số tồn tại trong công tác hách toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty. Dựa vào đó, kiến nghị, đề xuất những biện pháp giúp công ty khắc phục được những tồn tại để đảm bảo kinh doanh ngày càng có hiệu quả hơn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của Khoá luận là:

- Luận giải các khái niệm, đặc điểm, nội dung của Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh.
- Đánh giá thực trạng Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hải Nam.
- Đưa ra một số đánh giá và đề xuất giải pháp chủ yếu cho việc hoàn thiện Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hải Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hải Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về không gian*: Đề tài nghiên cứu phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam.
- *Phạm vi về thời gian*: Nghiên cứu trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2021, 2022, 2023, 2024.

5. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp quan sát*: Thực hiện quan sát các hoạt động của của doanh nghiệp, bộ máy kế toán và công việc của các nhân viên trong Công ty, đặc biệt là nhân viên phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- *Phương pháp phỏng vấn trực tiếp*: Trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với các kế toán, bộ phận có liên quan tại Công ty.
- *Phương pháp thu thập số liệu:* Phương pháp này căn cứ vào những chứng từ thực tế phát sinh nghiệp vụ kinh tế đã được kế toán tập hợp vào sổ sách và kiểm tra tính chính xác, phù hợp, đầy đủ của các chứng từ.
- *Phương pháp phân tích:* Phương pháp này áp dụng việc tính toán, so sánh số liệu các phương pháp nêu trên để phân tích sự khác biệt giữa lý luận và thực tiễn từ đó rút ra kết luận thích hợp.

- *Phương pháp thực nghiệm*: Thực tập kế toán phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh; giúp xác định yếu tố ảnh hưởng và tìm ra giải pháp để nâng cao chất lượng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Các biện pháp đề xuất trong khóa luận sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hải Nam. Ngoài ra đề tài còn là tài liệu tham khảo cho sinh viên chuyên ngành kế toán.

7. Bố cục khoá luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận chia làm 3 Chương:

Chương 1. Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam

NỘI DUNG

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tổn phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp để đạt được một sản phẩm, lao vụ, dịch vụ nhất định. Chi phí được xác định bằng tiền của những hao phí về lao động sống, lao động vật hóa… trên cơ sở chứng từ, tài liệu bằng chứng chắc chắn.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Khi một quá trình kinh doanh hoàn thành, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở so sánh tổng doanh thu và tổng chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kết quả kinh doanh có thể lãi hoặc lỗ; nếu lỗ sẽ được bù đắp theo chế độ và quy định của cấp có thẩm quyền; nếu lãi được phân phối sử dụng theo đúng mục đích phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp.

1.1.2. Yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Trong điều hành và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp và phục vụ cho các nhu cầu khác của đối tượng ngoài doanh nghiệp để thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ tốt thì quản lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải xác định đúng đắn, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chính xác đầy đủ cho các nhà quản trị. Việc xác định kịp thời, đúng đắn, chính xác các khoản doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đáp ứng sự sống còn của doanh nghiệp.

- Phải quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng hoạt động, từng bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp, theo dõi chính xác sẽ xác định được những hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả thấp cũng như những hoạt động kinh doanh đem lại lợi nhuận cao. Từ đó có những phương án thúc đẩy những hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả cao, khắc phục hoặc thay đổi phương án kinh doanh đem lại hiệu quả thấp.

- Tìm hiểu, khai thác và mở rộng thị trường nhằm không ngừng tăng doanh thu, giảm giá vốn hàng bán.

- Quản lý chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và các chi phí khác phát sinh trong quá trình kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

1.1.3. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Doanh thu có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân doanh nghiệp mà còn đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường. Để đạt được doanh lợi ngày càng cao, các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình kế hoạch kinh doanh, trong đó phải tính toán đầy đủ, chính xác các khoản chi phí và kết quả đạt được. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng trong quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

Nhờ vào các thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà các nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế doanh thu của doanh nghiệp về loại hình, số lượng, chất lượng, giá cả, thời hạn thanh toán, kiểm tra tình hình thực hiện các dự toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác và xác định kết quả kinh doanh của doanh

nghiệp. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng cho hoạt động kinh doanh kỳ tiếp theo, hoàn thiện hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu.

Thêm vào đó, thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp cơ quan của Nhà nước kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, từ đó đưa ra các chính sách thích hợp nhằm phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các chủ nợ,…Là cơ sở để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các quyết định kinh doanh có lợi nhất cho mình.

Những phân tích trên cho thấy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, giúp các đối tượng này đưa ra các quyết định kinh doanh một cách phù hợp và kịp thời.

Do đó, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học và hợp lý là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính ở doanh nghiệp.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp

Đối với các doanh nghiệp việc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng và xác định kết quả kinh doanh là vấn đề quan trọng đối với doanh nghiệp. Qua việc hạch toán doanh thu và xác định KQKD, doanh nghiệp có thể theo dõi một cách chính xác, đầy đủ hiệu quả của quá trình hoạt động để từ đó đưa ra các quyết định kinh tế kịp thời nhằm đảm bảo sự tồn tại, phát triển ổn định cho doanh nghiệp.

Đối với nền kinh tế nói chung, việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để tạo ra nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Mặt khác, hiện nay, việc thu hút vốn đầu tư qua thị trường chứng khoán là phổ biến thì việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp lại càng trở nên quan trọng bởi vì kết quả kinh doanh quyết định một phần lớn mức độ thu hút vốn đầu tư từ các chủ thể trong nền kinh tế.

Vì những lý do trên kế toán doanh nghiệp cần xác định vai trò và nhiệm vụ trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- Tính toán và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời khối lượng sản phẩm , hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nhằm quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu.
- Phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của từng đơn vị.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp thông tin về tình hình hiện có. Đồng thời theo dõi thanh toán chi tiết với từng khách hàng và ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Vận dụng các phương pháp kế toán phù hợp căn cứ vào thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để xác định chính xác giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý và các chi phí khác nhằm xác định đúng đắn kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ghi chép đầy đủ các khoản mục chi phí phát sinh trong quá trình SXKD; tiến hành tập hợp và phân bổ chi phí hợp lý

Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ. Hạch toán chính xác, kịp thời KQKD nhằm cung cấp các thông tin
- Phân tích và đánh giá tình hình xây dựng các công trình, tình hình tài chính tại doanh nghiệp.

1.2. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.2.1. Kế toán doanh thu, thu nhập khác trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- **Khái niệm**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác (Ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính):

Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu

*** Xác định doanh thu:**

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.
- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.
- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.
- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.
- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về thì doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

*** Thời điểm ghi nhận doanh thu:** Doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

- **Điều kiện ghi nhận doanh thu**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Doanh thu được ghi nhận khi:

Đối với doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- **Chứng từ sử dụng.**

Các loại chứng từ được Công ty sử dụng trong việc bán hàng bao gồm:

- Hợp đồng, cam kết mua bán giữa hai bên.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường kiêm phiếu xuất kho,
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa
- Phiếu xuất kho...
- Chứng từ kế toán liên quan khác : Phiếu nhập kho hàng trả lại.
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, giấy báo có, Séc, Uỷ nhiệm thu, bảng sao kê của Ngân hàng….

- **Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản sử dụng TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. TK này phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong 1 kỳ hạch toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- TK 511 không có số dư cuối kỳ.
- TK 511 gồm các tài khoản cấp 2:
  + TK 5111- Doanh thu bán hàng hóa
  + TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
  + TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
  + TK 5118- Doanh thu khác

- **Trình tự kế toán doanh thu**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn GTGT gửi cho khách hàng và phản ánh doanh thu và nợ phải thu trong kỳ tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Trình tự hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp được thanh toán được thể hiện qua *Sơ đồ 1.1* như sau :

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu khi doanh nghiệp được thanh toán:

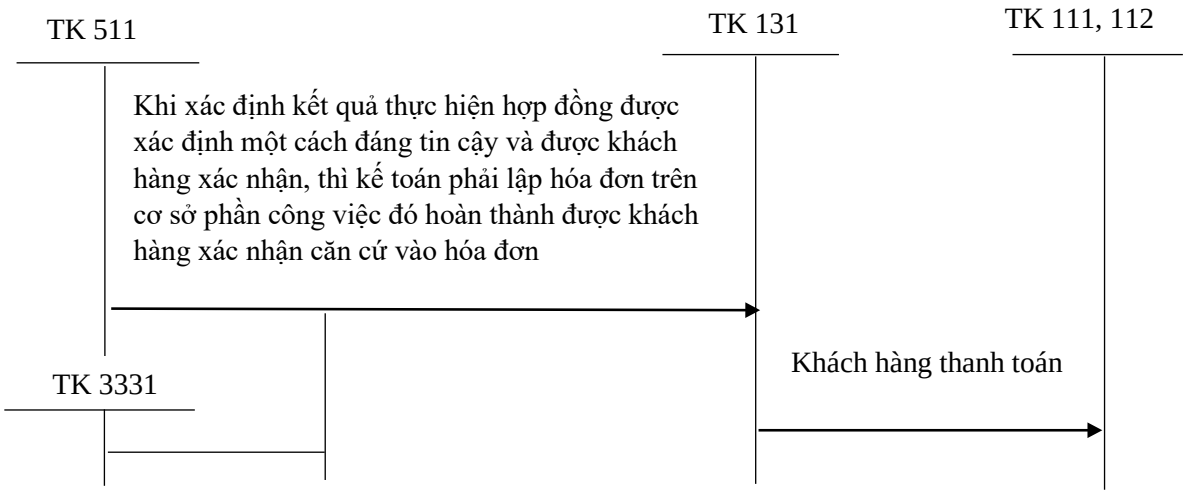

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp

- **Khái niệm**

- Chiết khấu thương mại là khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua do đã mua với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

- Hàng bán bị trả lại là số hàng bán doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều cam kết trong hợp đồng kinh tế hoặc theo chính sách bảo hành, như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp giảm trừ cho khách hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do sản phẩm không đúng quy cách, chất lượng đã ghi trong hợp đồng.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, bảng sao kê ngân hàng,..), biên bản giảm giá hàng bán
- Các chứng từ kế toán liên quan khác: hợp đồng chiết khấu, bảng tính chiết khấu, biên bản hàng hóa trả lại, hóa đơn hàng bán trả lại do bên khách hàng lập

- **Tài khoản sử dụng**: TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

(Theo TT 200/2014-BTC)

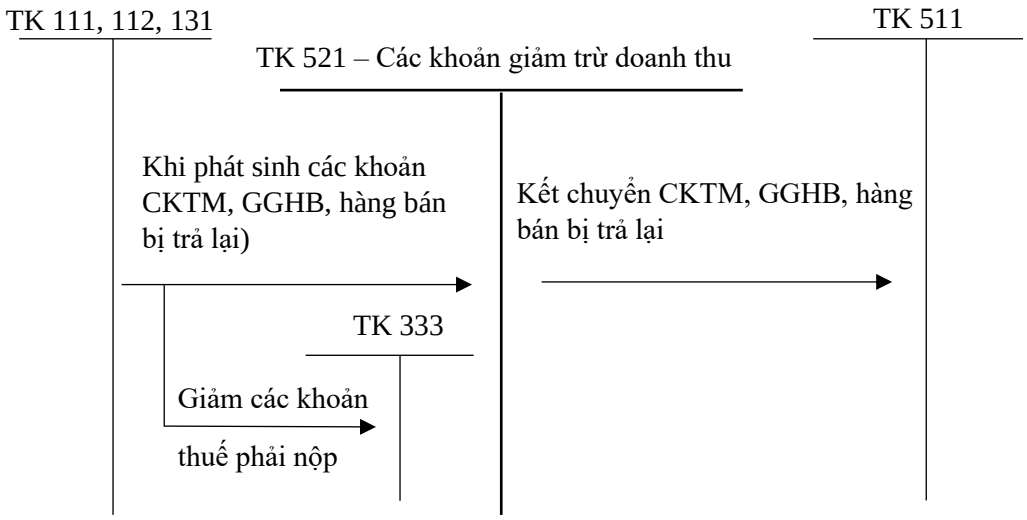

1.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- **Khái niệm doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động tài chính mang lại như tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu thu, Giấy báo có, Chứng từ kế toán
- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.3: Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính

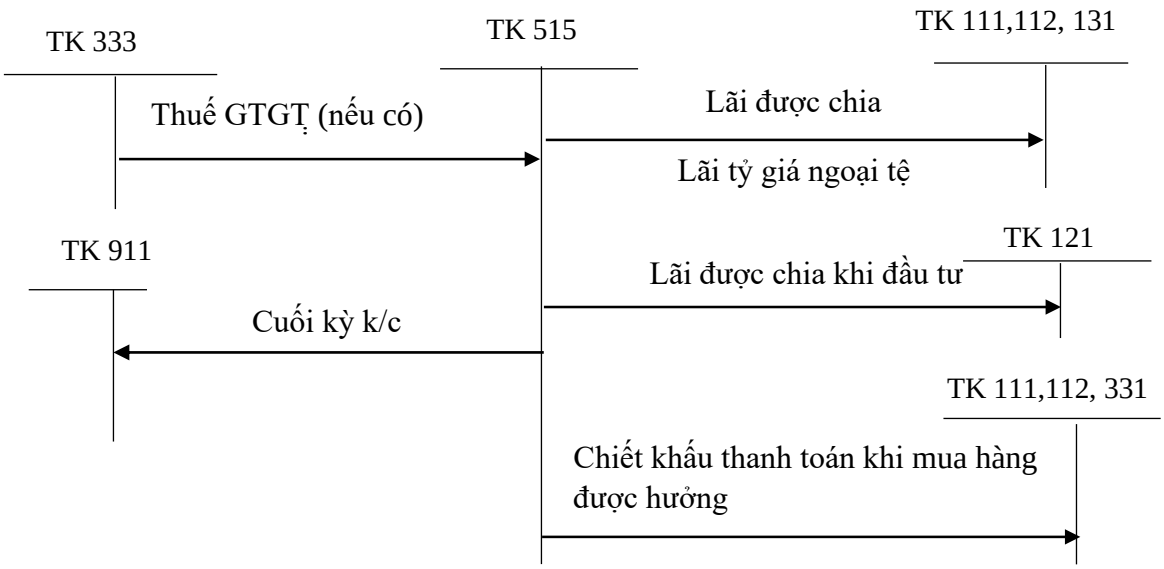

1.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

- **Khái niệm thu nhập khác**

Thu nhập khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp. Đây là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, cụ thể bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.
- Tiền thu được phạt do khách hàng, đơn vị khác vi phạm hợp đồng kinh tế
- Thu từ các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các cá nhân, tổ chức tặng doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán nay phát hiện ra,…

Các khoản chi phí, thu nhập khác xảy ra không mang tính chất thường xuyên, khi phát sinh đề phải các chứng từ hợp lý, hợp pháp mới được ghi sổ kế toán

- **Chứng từ sử dụng:**

Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, hợp đồng kinh tế, phiếu thu, giấy báo có

- **Tài khoản sử dụng**: TK 711 – Thu nhập khác
- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.4: Trình tự kế toán thu nhập khác

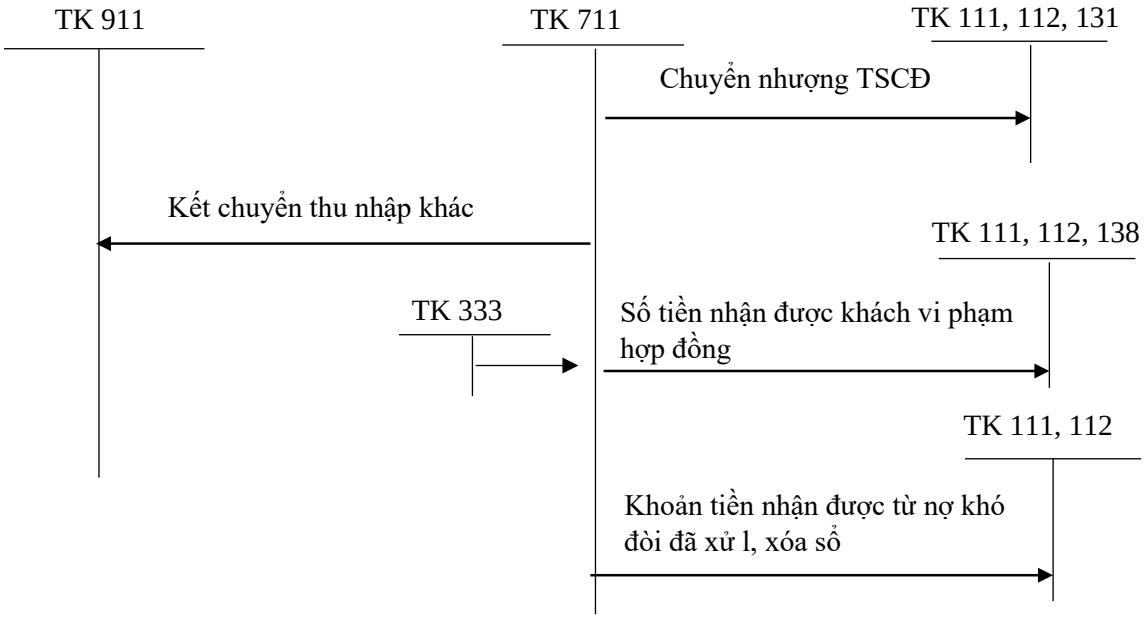

1.2.2. Kế toán chi phí trong doanh nghiệp

1.2.2.1. Chi phí và các loại chi phí trong doanh nghiệp

Theo chuẩn mực kế toán số 01:

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, *không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu*.

Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác.

Chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền, ... Những chi phí

này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

Chi phí khác bao gồm các chi phí ngoài các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, các khoản tiền bị khách hàng phạt do vi phạm hợp đồng,...

- **Điều kiện ghi nhận chi phí:**

- Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.
- Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.
- Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu và thu nhập khác được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.
- Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- **Khái niệm giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị vốn của hàng bán đã tiêu thụ trong một khoảng thời gian cụ thể (trong một kỳ). Giá vốn hàng bán bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến quá trình tạo ra sản phẩm.

Đối với từng loại hình doanh nghiệp khác nhau thì sẽ có những cách định nghĩa về giá vốn khác nhau:

Với các doanh nghiệp thương mại (nghĩa là nhập sản phẩm sẵn có về bán), thì giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của hàng hóa bán ra trong kỳ, tổng tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh (từ lúc mua hàng đến lúc hàng hóa có

mặt tại kho của doanh nghiệp, bao gồm: Giá nhập hàng hóa từ các nhà cung cấp, chi phí vận chuyển hàng hóa về kho, thuế, bảo hiểm hàng hóa,…)

Với các doanh nghiệp sản xuất (các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra sản phẩm), thì các chi phí cấu thành nên giá vốn sẽ nhiều hơn các doanh nghiệp thương mại do có thêm chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất sản phẩm.

- **Phương pháp tính giá vốn:**

Giá vốn thực tế xuất kho của hàng hóa được tính theo một trong các phương pháp: Giá thực tế đích danh, giá bình quân sau mỗi lần nhập, giá bình quân cả kỳ dự trữ, giá nhập trước xuất trước hoặc hệ số giá...

** Phương pháp giá đơn vị bình quân*

Theo phương pháp này, giá gốc hàng hoá xuất trong thời kì được tính theo giá đơn vị bình quân (bình quân cả kỳ dự trữ, bình quân cuối kỳ trước, bình quân mỗi lần nhập).

** Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này giả thiết rằng hàng hoá nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất.

Nói cách khác, cơ sơ của phương pháp này là giá gốc của hàng hoá mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá hàng hoá xuất trước. Do vậy, giá trị hàng hoá tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của hàng hoá mua vào sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm

** Phương pháp giá thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, hàng hoá được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập kho cho đến lúc xuất dùng. Khi xuất hàng hoá sẽ tính theo giá gốc. Phương pháp này thường sử dụng với các loại hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Và các chứng từ liên quan khác để xác định được giá vốn như : Hóa đơn vận chuyển, phiếu nhập kho...

- **Tài khoản sử dụng:** 632 – Giá vốn hàng bán. Kết cấu TK này như sau:

Bên Nợ: Trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ

Bên Có**:** Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ vào tài khoản xác định kết quả

TK 632 không có số dư cuối kỳ.

- **Trình tự hạch toán:**

Sơ đồ 1.5: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

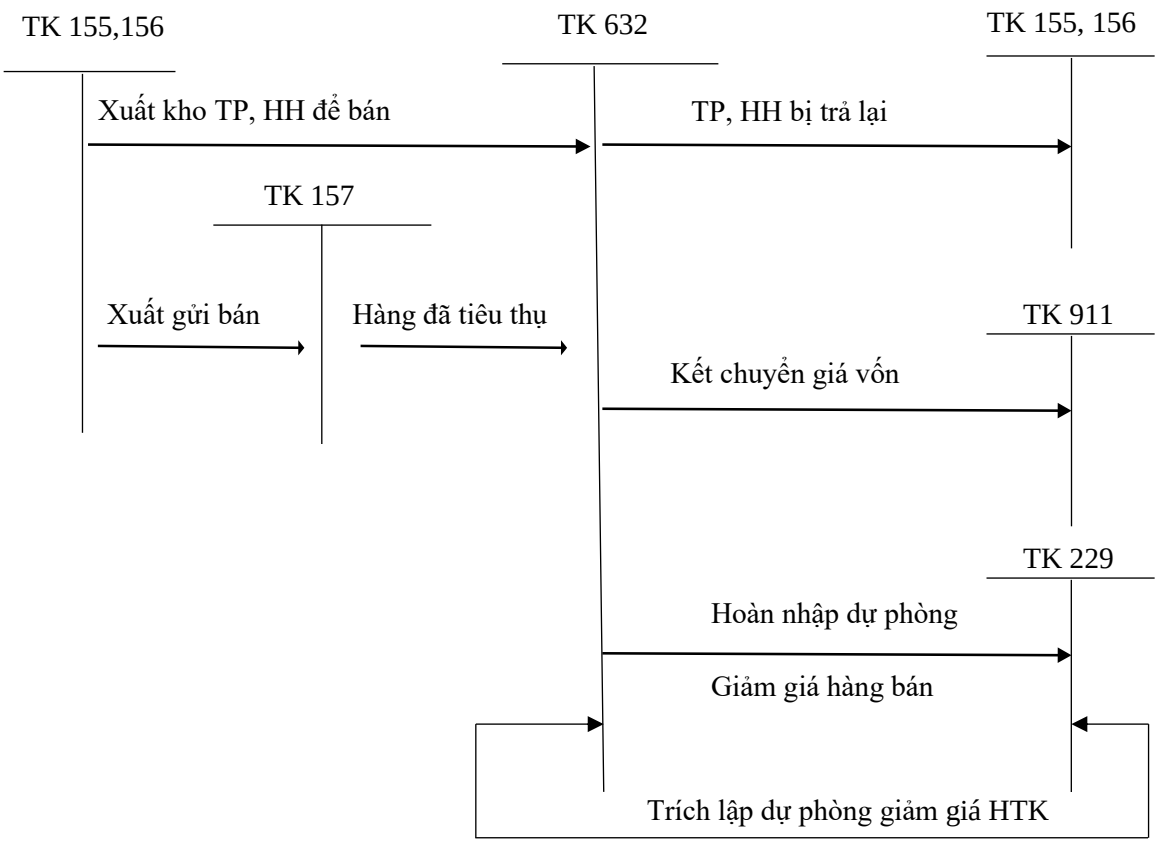

Sơ đồ 1.6. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

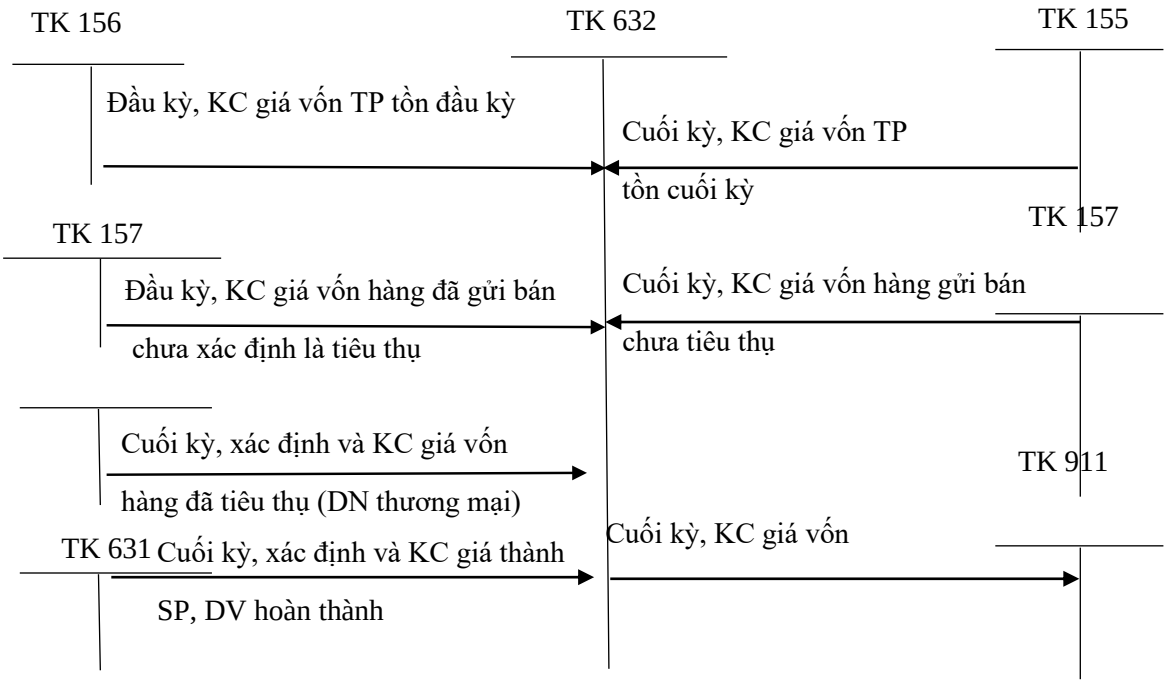

1.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

- **Khái niệm:**

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm các yếu tố: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí bằng tiền khác

- **Tài khoản sử dụng**: TK 641 – Chi phí bán hàng

TK 641 không có số dư

- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.7: Trình tự kế toán chi phí bán hàng

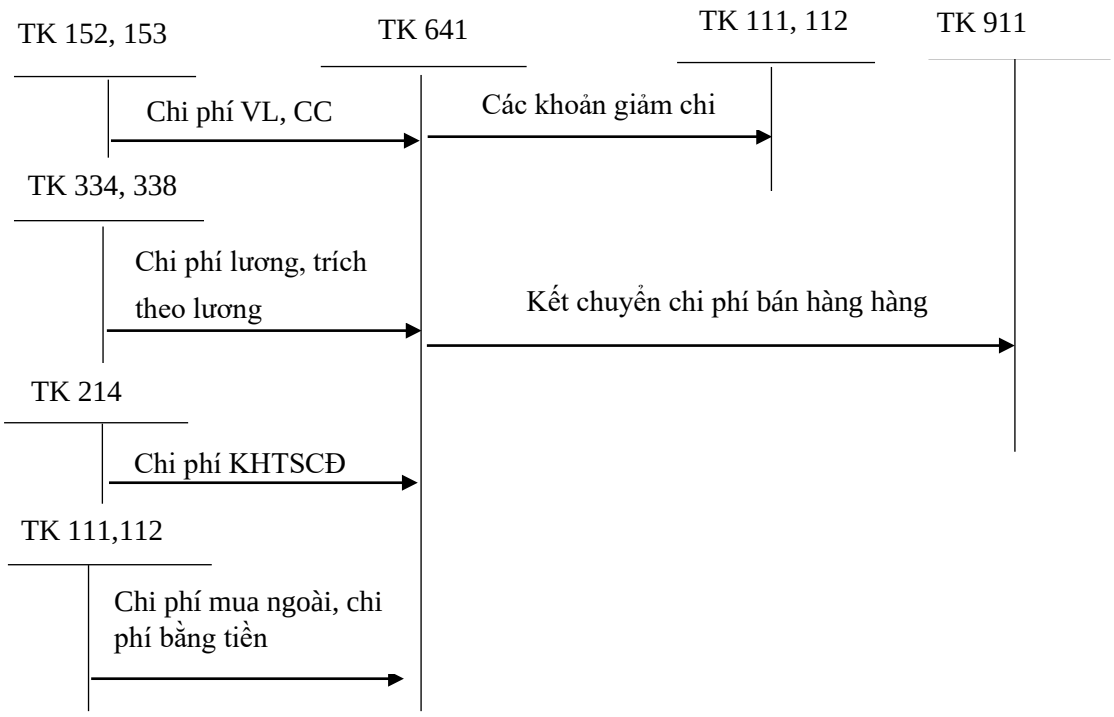

1.2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- **Khái niệm:**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý hành chính và một số khoản khác có tính chất chung toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các yếu tố: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Tài khoản kế toán:** Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

  Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.8: Trình tự kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

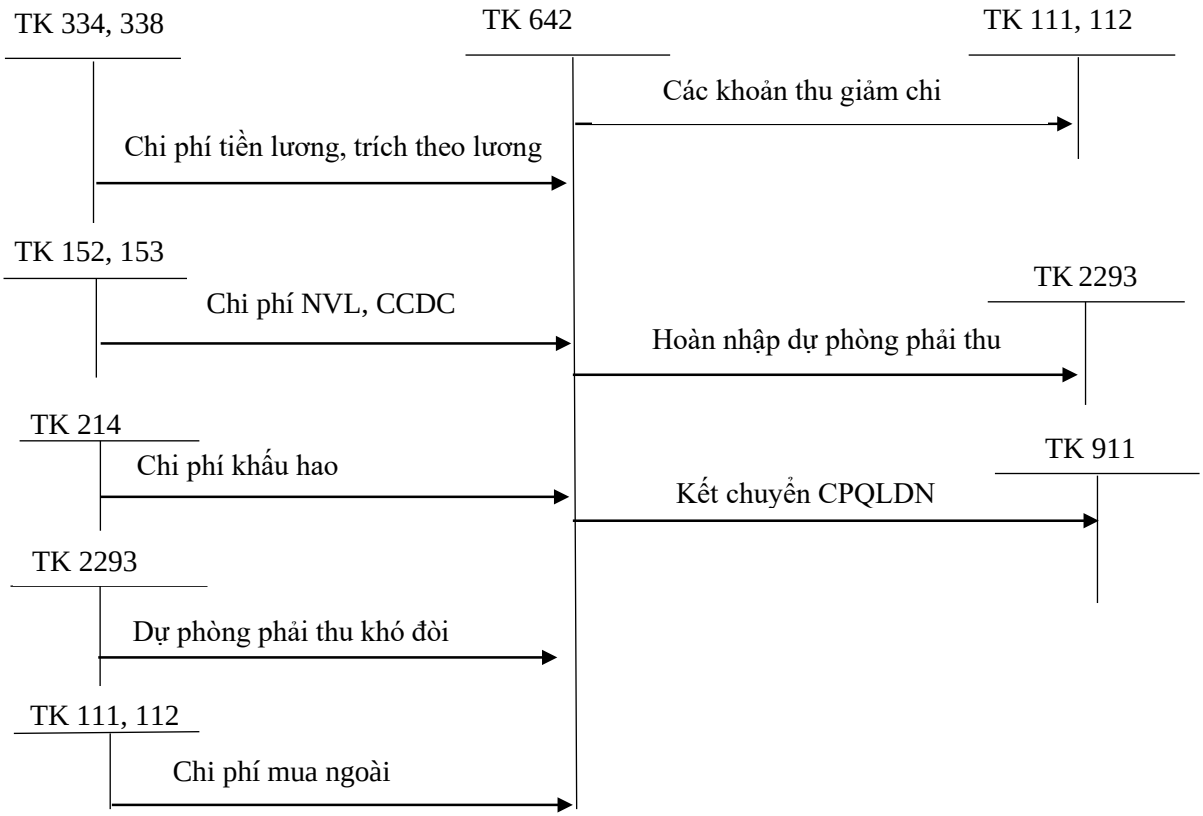

1.2.2.5. Kế toán chi phí tài chính

- **Khái niệm chi phí tài chính**

- Chi phí hoạt động tài chính là những khoản chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, về đầu tư tài chính nhằm mục đích sử dụng hợp lý tăng thêm thu nhập nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp.

- Chi phí tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

- **Chứng từ sử dụng:** Phiếu tính lãi, giấy báo nợ, phiếu chi,…
- **Số kế toán sử dụng:** sổ cái và sổ chi tiết TK 635
- **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 635: Chi phí tài chính
- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.9: Trình tự kế toán chi phí tài chính

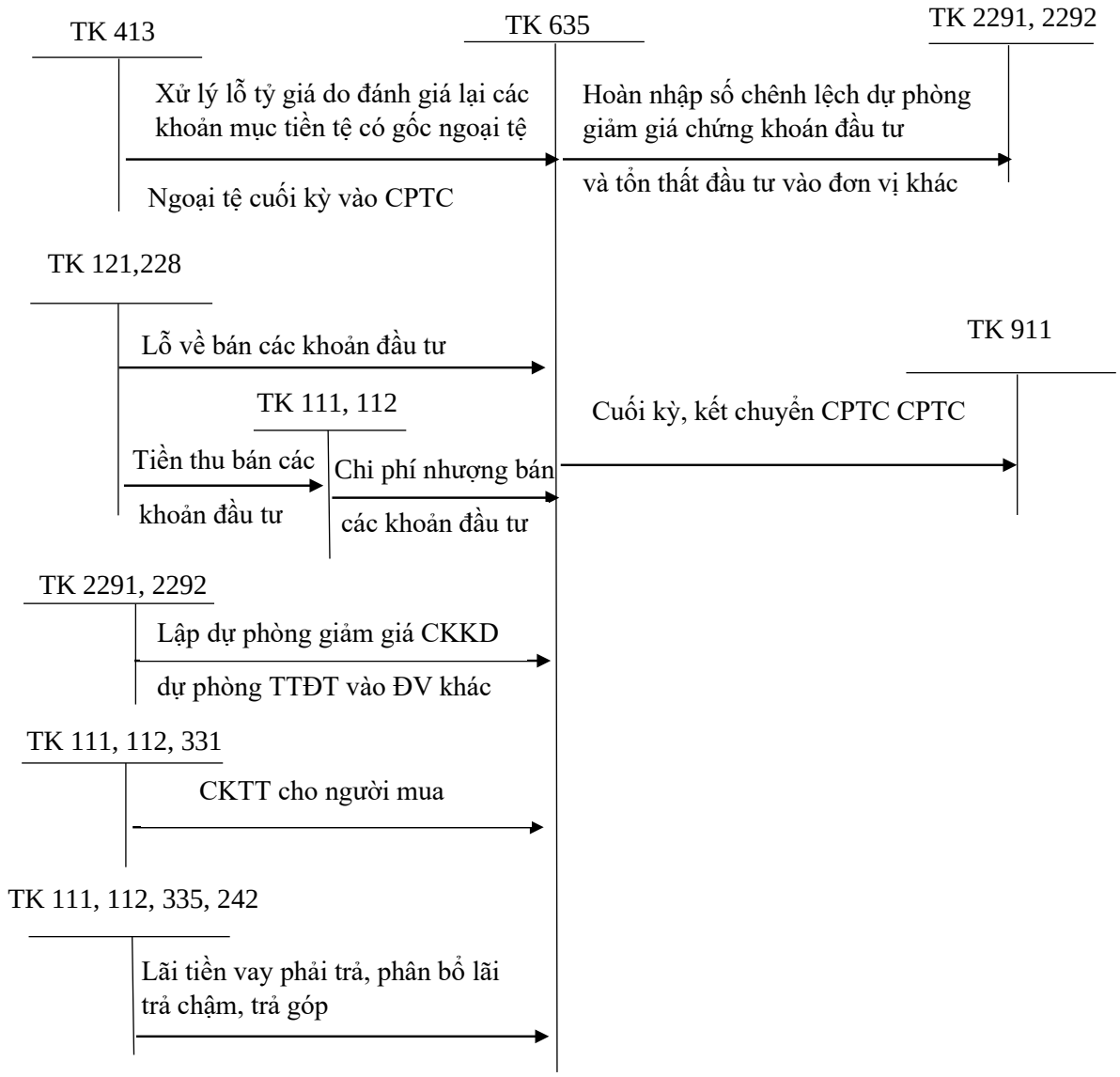

1.2.2.6. Kế toán chi phí khác

- **Khái niệm chi phí khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, nội dung cụ thể bao gồm:

+ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu thanh lý, nhượng bán TSCĐ).

+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)

+ Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

+ Các khoản chi phí khác

- **Chứng từ sử dụng:** Biên bản thanh lý TSCĐ, biên lai nộp phạt, giấy báo nợ, phiếu chi
- **Tài khoản sử dụng:** TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.10: Trình tự kế toán chi phí khác

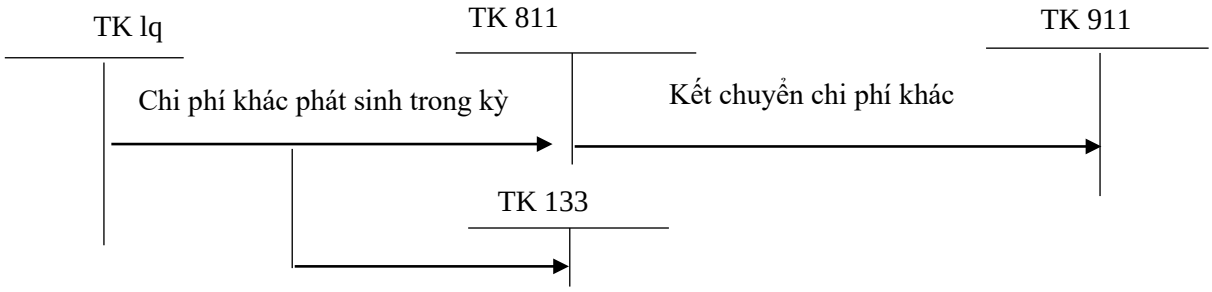

1.2.2.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- **Khái niệm**

Chi phí thuế TNDN là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- **Chứng từ sử dụng:**
  - Tờ khai tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp hàng quý;
  - Tờ khai quyết toán thuế thu nhập;
  - Báo cáo quyết toán thuế TNDN hằng năm;
  - Bảng báo cáo KQHĐKD
- **Tài khoản kế toán sử dụng**: TK 821 – Chi phí thuế TNDN.

  Tài khoản này được mở hai tài khoản cấp 2 là:

  + TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành

  + TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại

- **Thu nhập tính thuế được xác định theo công thức:**

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định)

Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế xác định như sau:

Thu nhập chịu thuế = Doanh thu – Chi phí được trừ + Các khoản thu nhập khác

- **Trình tự kế toán:**

Sơ đồ 1.11: Trình tự kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

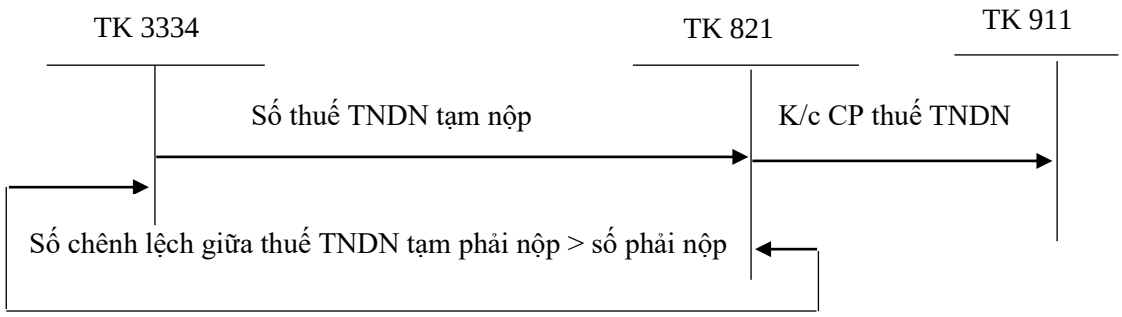

1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.3.1. Nội dung xác định kết quả kinh doanh

- **Khái niệm kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là kết quả được tính bằng số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

1.2.3.2. Phương pháp kế toán, tài khoản sử dụng và chứng từ kế toán

- **Phương pháp xác định kết quả kinh doanh**

Công thức xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh trước thuế = DTT từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ – Giá vốn hàng xuất bán + Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí hoạt động tài chính – CPBH – CPQLDN + Thu nhập khác – Chi phí khác

Kết quả kinh doanh sau thuế = Kết quả kinh doanh trước thuế - Chi phí thuế TNDN

- **Chứng từ, sổ sách sử dụng:**
  - Phiếu kế toán
  - Sổ cái TK 511, 515, 711, 632, 642, 635, 811
  - Các sổ chi tiết liên quan
- **Tài khoản sử dụng**

  TK 911 – Xác định KQKD

  TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- **Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh:**

Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh

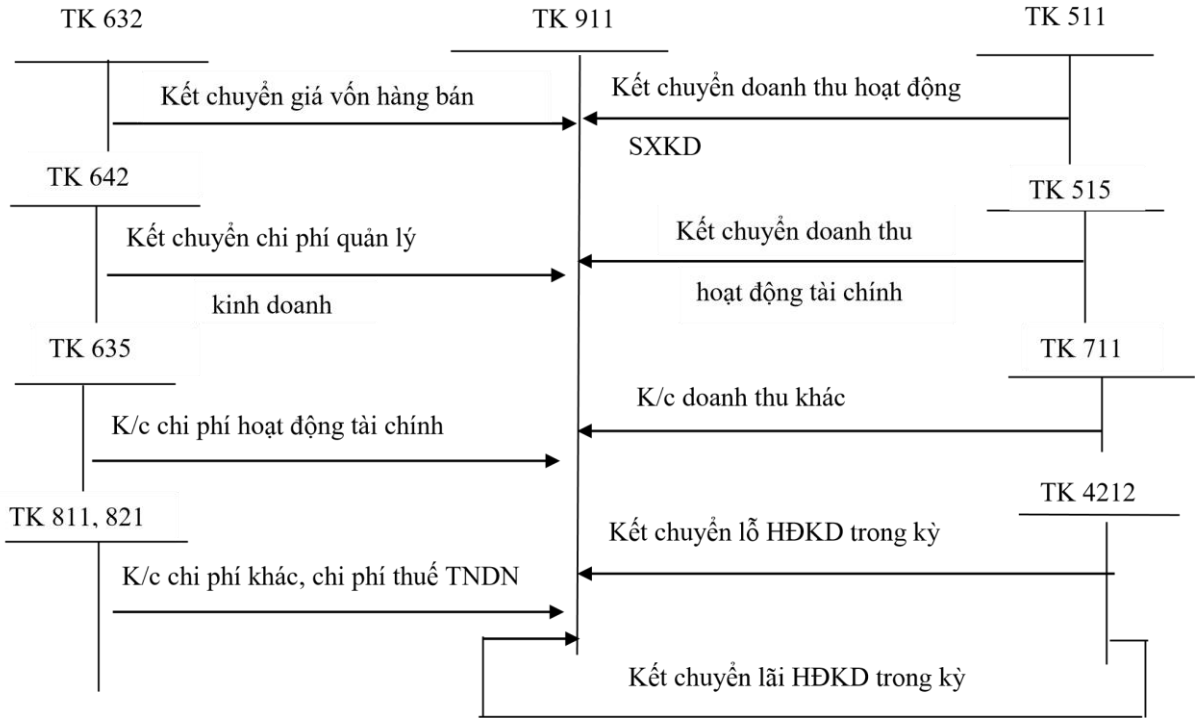

1.2.4. Các hình thức ghi sổ kế toán

1.2.4.1. Chứng từ ghi sổ

Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 155, Sổ cái TK 632, Sổ cái tài khoản 821, Sổ cái TK 421... và các sổ chi tiết liên quan (Sổ chi tiết TK 511, 154, 131,…).

1.2.4.2. Nhật ký chung

Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 821, Sổ cái TK 155, Sổ cái TK 421,… và các sổ chi tiết có liên quan (Sổ chi tiết TK 511, 131, 331, 154…).

1.2.4.3. Nhật ký – Sổ cái

Nhật ký – Sổ cái, Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 155, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 821, Sổ cái TK 421,… và các sổ chi tiết liên quan (Sổ chi tiết TK 511, 131, 154,…).

1.2.4.4. Nhật ký – Chứng từ

Nhật ký – Chứng từ, Bảng kê, Sổ, Thẻ kế toán chi tiết, Sổ cái TK 111, Sổ cái TK 112,...

Chương 2
THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH HẢI NAM

2.1.1. Giới thiệu chung

2.1.1.1. Thông tin chung về công ty TNHH Hải Nam

- Tên công ty: Công ty TNHH Hải Nam
- Giám đốc: Trần Thị Thanh Hòa
- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.
- Địa chỉ văn phòng giao dịch: Cảng Khánh An, xã Khánh An, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- Mã số thuế: 2700274779
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
- Điện thoại: 02293.761.999
- Fax: 02293.762.839
- Email: congtytnhhhainam@gmail.com
- Hình thức sở hữu vốn: Vốn chủ sở hữu.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH hai thành viên.

2.2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Hải Nam

Công ty TNHH Hải Nam được thành lập ngày 01/10/2002 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2700274779 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp giấy đăng ký kinh doanh lần một, để phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của thị trường, ngày 23/11/2023 công ty đăng ký thay đổi lần thứ 13 và có tên giao dịch là CÔNG TY TNHH HẢI NAM (HAINAM CO.LTD).

Công ty TNHH Hải Nam là Công ty được thành lập trong thời kỳ đất nước đà phát triển, đổi mới và xây dựng, là một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Chính phủ nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng, nhằm đóng góp phần phát triển kinh tế

trong tỉnh ,… Công ty TNHH Hải Nam là một trong những doanh nghiệp được thành lập nhằm góp phần vào sự nghiệp phát triển và đổi mới của xã hội.

Trong suốt quá trình thành lập và phát triển, đến nay Công ty TNHH Hải Nam đã vươn lên trở thành một Công ty có uy tín, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Với sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng, Công ty đã nhận được rất nhiều bằng khen của UBND tỉnh Ninh Bình và của Bộ Tài chính vì có thành tích sản xuất tốt trong nhiều năm (Bằng khen về thành tích trong phong trào thi đua của tỉnh, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Bằng khen thành tích thực hiện chính sách Thuế…)

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh Công ty TNHH Hải Nam

Công ty TNHH Hải Nam kinh doanh chính các mặt hàng than đá và các nhiên liệu rắn khác như than đá Quảng Ninh, than đá cục: than cục 1, than cục 2, than cục 3, than cục 4, than cục xô, than cám, than bùn, than tổ ong,... và các loại than đá nhập khẩu indo gồm than indo đen, than indo nâu…

Than đá là nguồn năng lượng quan trọng trên toàn thế giới, đóng vai trò then chốt trong cuộc cách mạng công nghiệp và sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Than đá được sử dụng ngày càng phổ biến trong sản xuất cũng như trong đời sống sinh hoạt hằng ngày của người dân Việt Nam nói riêng và Thế giới nói chung. Than đá Quảng Ninh ngày nay càng ngày càng phát huy được nhiều công dụng trong thực tế như được dùng nhiều để đốt lò hơi phục vụ hoạt động sản xuất, luyện kim, làm nhiên liệu chính trong các ngành may mặc, chế biến thực phẩm, sấy nông sản,..

Sản phẩm than đá của công ty cung cấp chuyên phục vụ đốt lò hơi công nghiệp cho các nhà máy như dệt nhuộm, sản xuất giấy, xi măng, bê tông, sắt thép, thức ăn gia súc… và rất nhiều các ngành công nghiệp khác.

Quy trình kinh doanh của công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.1: Quy trình kinh doanh của công ty Công ty

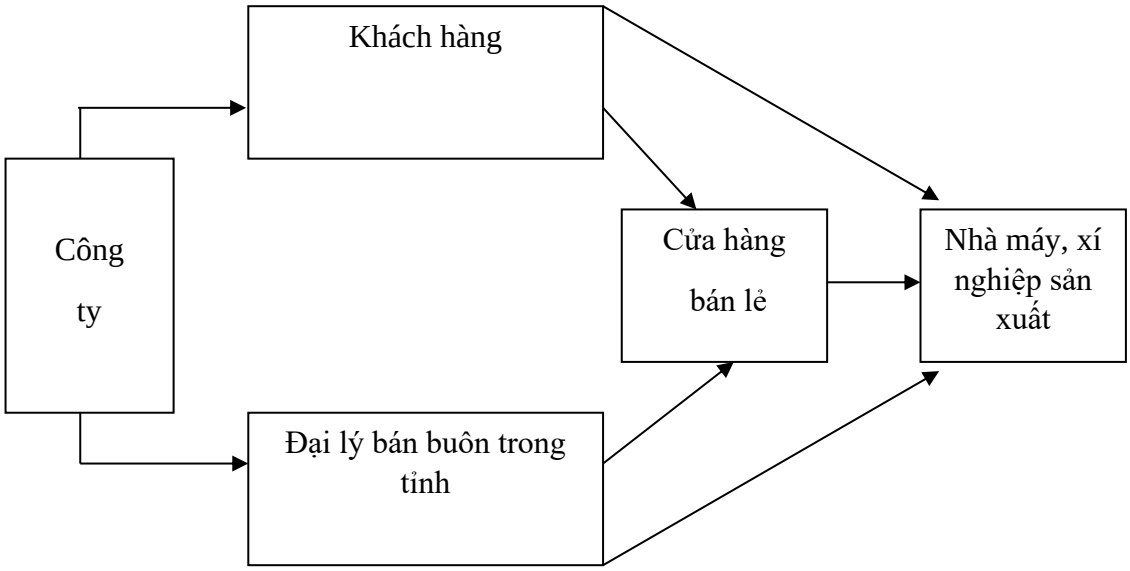

(Nguồn: Phòng kế toán tông ty)

Nhiệm vụ trong từng quy trình

- *Công ty:* Nhân viên kinh doanh giới thiệu các sản phẩm dược của công ty cho các đại lý bán buôn trong tỉnh, ngoài tỉnh, các bệnh viện, phòng khám tư nhân hoặc trực tiếp phân phối cho các cửa hàng bán lẻ.
- *Đại lý bán buôn:* Phân phối cho các của hàng bán lẻ, hoặc phân phối trực tiếp cho người tiêu dùng.
- *Cửa hàng bán lẻ:* Phân phối cho người tiêu dùng có nhu cầu

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Hải Nam

2.1.3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

Để phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý, Công ty TNHH Hải Nam tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến tham mưu. Với cơ cấu này các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc, vừa phát huy được năng lực chuyên môn của phòng ban chức năng, vừa đảm bảo quyền chỉ huy, điều hành của giám đốc. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo sơ đồ 1.2 sau:

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

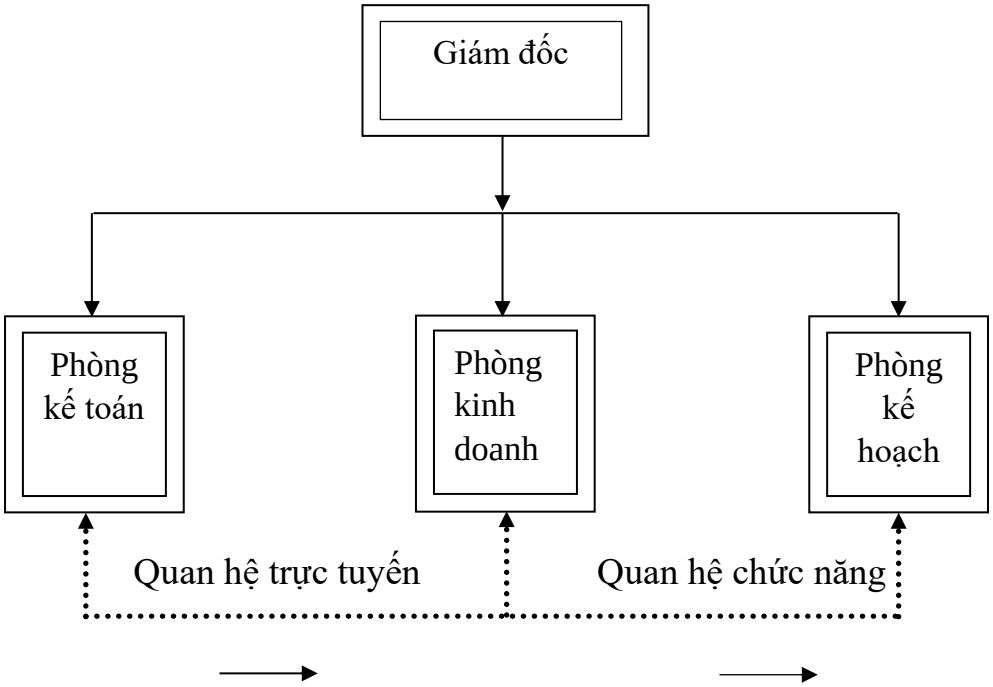

(Nguồn: Phòng kế toán tông ty)

2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ vủa từng bộ phận

Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong Công ty cụ thể như sau:

❖ ***Giám đốc:*** Đứng đầu Công ty là giám đốc có vị trí và thẩm quyền cao nhất Công ty, chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành mọi hoạt động của Công ty. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, phụ trách trực tiếp các phòng ban: phòng kế toán, phòng kinh doanh, phòng kỹ thuật, phòng hành chính.

❖ ***Phòng Kinh doanh:*** Trong từng thời kỳ cụ thể kết hợp với các phòng ban chức năng để lập dự toán cho các công trình, lên kế hoạch kinh doanh.

Tham mưu cho Giám đốc, tổ chức thực hiện xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty. Thực hiện các công việc nhập, xuất hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho việc thi công công trình; chịu trách nhiệm về thời gian bàn giao công trình.

❖ ***Phòng Kế toán***: Có nhiệm vụ quản lý về mặt tài chính của doanh nghiệp, ghi chép, cập nhật và phản ảnh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về nguyên vật liệu, tình hình tăng giảm tài sản cố định, biến động vốn bằng tiền mặt… theo dõi tình

hình công nợ của khách hàng. Tổ chức theo dõi suốt quá trình sản xuất từ khâu mua nguyên vật liệu cho đến khi sản phẩm được hoàn thành và chuyển giao cho khách hàng. Hạch toán kế toán, xác định kết quả kinh doanh, phân tích hoạt động tài chính của đơn vị. Thực hiện đúng các chế độ chính sách kế toán do bộ tài chính và nhà nước ban hành. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tham mưu cho lãnh đạo trong công tác quản trị và sử dụng vốn và tài sản, đảm bảo hiệu quả của các hoạt động tài chính, xây dựng kế hoạch tài chính năm.

❖ ***Phòng Kế hoạch:*** Có nhiệm vụ tổ chức, tuyển chọn lao động, phân công lao động, sắp xếp điều phối lao động, phụ trách công tác kế hoạch hình thành các chứng từ về lao động tiền lương, các khoản phúc lợi khác theo chế độ quy định.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán là một trong những bộ phận quan trọng trong hệ thống quản lý của công ty cung cấp thông tin và kiểm tra tài chính đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH Hải Nam được tổ chức theo mô hình là hình thức kế toán tập trung. Theo hình thức này công việc được thực hiện tại phòng kế toán của công ty, tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được đưa về xử lý tại phòng kế toán. Sử dụng hình thức kế toán này góp phần đảm bảo cho kế hoạch kế toán phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của mình giúp cho việc nhận thức và phân công lao động, chuyên môn hóa nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên kế toán.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán Công ty TNHH Hải Nam

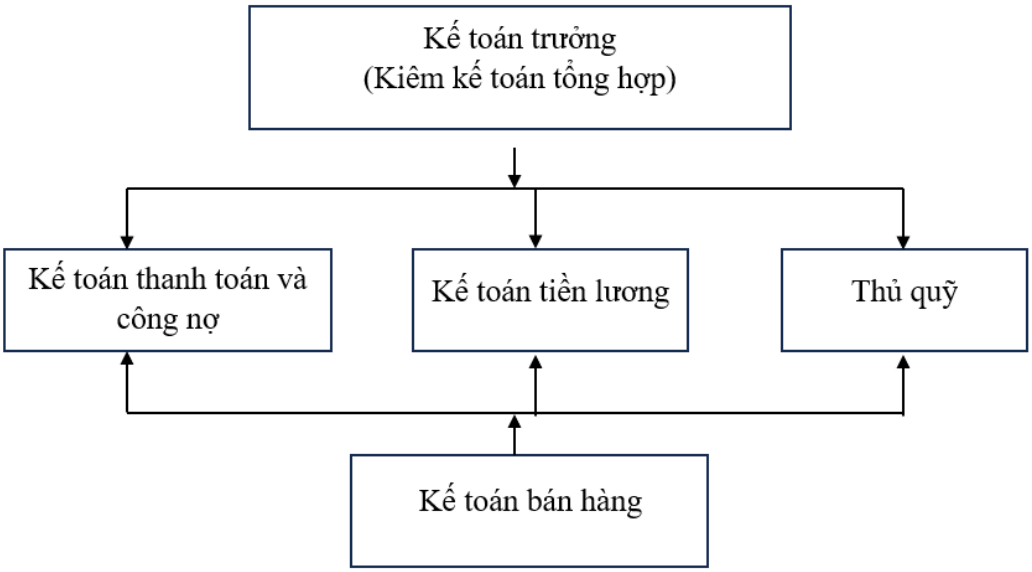

Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp

- Chịu trách nhiệm kiểm soát kinh tế tài chính của công ty. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty, không ngừng cải tiến tổ chức bộ máy. Tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và phân tích kết quả kinh doanh của công ty
- Giám sát, kiểm tra việc hoàn chứng từ của bộ phận kỹ thuật
- Quản lý và tổ chức nhân sự sao cho phù hợp công tác tài chính kế toán, vận dụng triển khai thực hiện các chủ trương do công ty đề ra
- Giúp giám đốc tổ chức chỉ đạo và thực hiện thống nhất công tác tài chính quản lý điều hành công tác kế toán tại công ty, thu thập các dữ liệu SXKD toàn bộ công ty, thống kê, phân tích và lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin số liệu kế toán kịp thời, chính xác để tham mưu cho giám đốc giúp lãnh đạo ra quyết định đúng đắn và kịp thời.

Kế toán bán hàng: Bán hàng, quản lý hàng hóa và nhiệm vụ thanh toán công nợ phải thu, phải trả và các nghĩa vụ thanh toán với Nhà nước.

Kế toán thanh toán và công nợ: Quản lý công nợ của khách hàng, có trách nhiệm thu, chi các các khoản công nợ của công ty với các đối tác.

***Kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương**:* Tính lương, thanh toán lương, thưởng, BHXH và các khoản thu nhập cho toàn bộ lao động trong Công ty, thanh toán bảo hiểm với cơ quan bảo hiểm xã hội.

***Thủ quỹ**:* Thủ quỹ là người trực tiếp giám sát tiền mặt của doanh nghiệp, quản lý các vấn đề tài chính, và đảm bảo sự minh bạch trong các hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

Theo dõi sát sao dòng tiền thu chi, chịu trách nhiệm toàn bộ các hoạt động phát sinh về tiền bạc.

Thông qua các hướng dẫn về chính sách tài chính, người thủ quỹ cần đánh giá rủi ro, có tầm nhìn về cơ hội tài trợ hoặc đầu tư, để duy trì và cải thiện tình hình tài chính của công ty.

Thủ quỹ cần có khả năng dự đoán nhu cầu vay tài chính và chuẩn bị các báo cáo liên quan.

Ngoài ra, cũng có thể đảm nhiệm vai trò tư vấn về các khoản vay, đầu tư thanh toán, để bảo đảm công ty xoay được dòng tiền, chuẩn bị cho những chi phí vận hành và đầu tư.

2.1.5. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

Chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty như sau:

- Chế độ kế toán mà công ty đang áp dụng: Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính
- Niên độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng niên độ kế toán theo năm, năm kế toán trùng với năm dương lịch (tính từ 01/01/N đến 31/12/N)
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính thuế GTGT: Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp đơn giá bình quân gia quyền
- Phương pháp kế toán TSCĐ:

  + Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo nguyên giá và giá trị hao mòn

+ Phương pháp khấu hao: Khấu hao theo phương pháp đường thẳng

❖ Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức sổ kế toán áp dụng theo hình thức Nhật ký chung và sử dụng phần mềm Misa.

Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty được áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BCT ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính áp dụng cho các Công ty công nghiệp, thương mại :

Các chứng từ gốc theo quy định chung được sử dụng gồm:

- Chứng từ về tiền: phiếu thu - chi, giấy báo nợ - có, uỷ nhiệm thu - chi, giấy đề nghị tạm ứng...
- Chứng từ về hàng tồn kho: phiếu nhập - xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ,...
- Chứng từ về TSCĐ: biên bản giao nhận TSCĐ, thẻ TSCĐ, Biên bản thanh lý TSCĐ,...
- Chứng từ về lao động, tiền lương: Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương và BHXH,...
- Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn GTGT, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho,...

Quá trình luân chuyển chứng từ:

Các nghiệp vụ phát sinh ở bộ phận nào thì bộ phận đó lập chứng từ gốc, sau đó luân chuyển về bộ phận kế toán. Tất cả các chứng từ kế toán do đoanh nghiệp lập hoặc từ bên ngoài chuyển đến đều phải tập trung ở bộ phận kế toán. Bộ phận kế toán kiểm tra những chứng từ kế toán đó và chỉ sau khi kiểm tra và xác minh tính hợp lý của chứng từ thì mới dùng những chứng từ đó để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Trình tự luân chuyển chứng từ kế toán gồm các bước sau:

- Lập, tiếp nhận, xử lý chứng từ kế toán
- Kế toán viên, kế toán trưởng kiểm tra và ký chứng từ kế toán hoặc trình giám đốc ký duyệt
- Phân loại, sắp xếp chứng từ kế toán, định khoản và ghi sổ kế toán
- Lưu trữ, bảo quản chứng từ.
- Ghi sổ kế toán
- Lưu trữ, bảo quản chứng từ kế toán

Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản kế toán của công ty theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

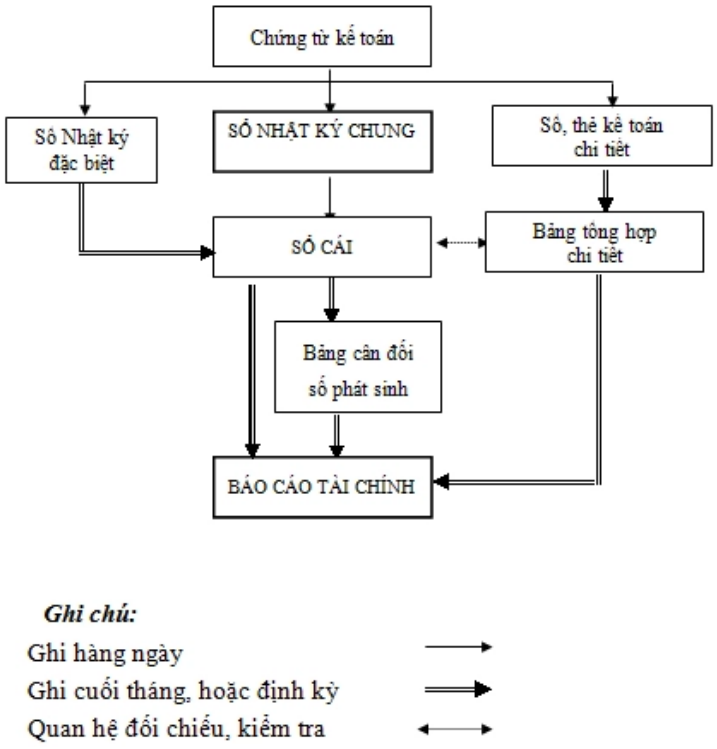

Theo hình thức Nhật ký chung, Công ty có các sổ kế toán chủ yếu: Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, Sổ chi tiết, và một số sổ kế toán khác theo quy định của Luật kế toán.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính:

Hiện nay để giảm nhẹ công tác kế toán vốn phức tạp tại đơn vị, công ty đã sử dụng phần mềm kế toán MISA để thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại doanh ngiệp.

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán viên sẽ kiểm tra chứng từ, phân loại chứng từ theo đối tượng, nghiệp vụ phát sinh rồi xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào phần mềm Misa theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Kế toán luôn phải kiểm tra tính chính xác, khớp đúng số liệu trên máy với chứng từ gốc. Máy tính sẽ thực hiện các bút toán hạch toán, phân bổ, kết chuyển. Đồng thời, các báo cáo kế toán sẽ được kết xuất từ các số liệu ban đầu sau một số thao tác nhất định trên phần mềm sử dụng. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Nhật ký chung) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập BCTC. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định.

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

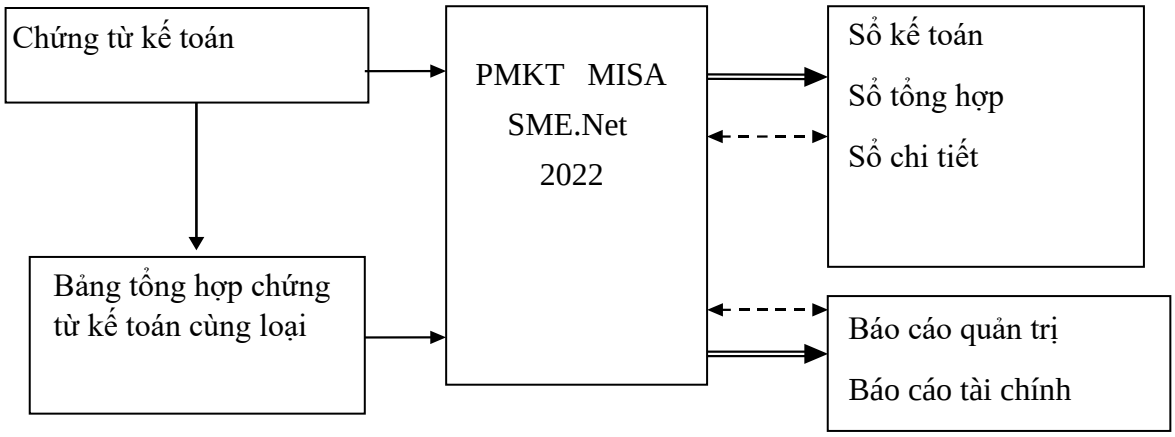

Ghi chú:

⟶	: Nhập số liệu hàng ngày
⟹	: In sổ sách, báo cáo cuối năm
← - - - - - - - - →	: Kiểm tra, đối chiếu

❖ **Phần mềm kế toán Misa có 13 phân hệ kế toán:**

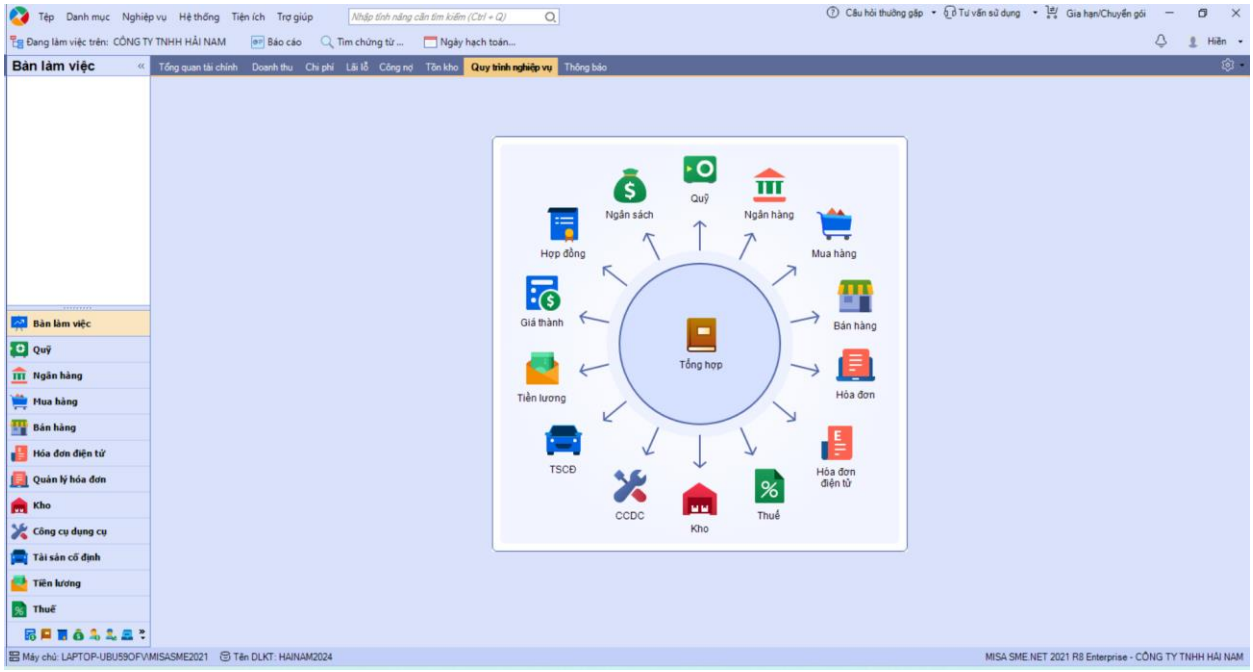

Hình 2.1: Bàn làm việc của phần mềm kế toán Misa mà công ty sử dụng

Tổ chức khai báo mã hóa ban đầu

Để thuận tiện cho công tác quản lý chi tiết các đối tượng trên các phần hành kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì kế toán phải mã hóa các cấp quản lý cho đối tượng đó. Việc này được thực hiện ngay khi bắt đầu sử dụng phần mềm kế toán và được khai báo bổ sung khi xuất hiện đối tượng quản lý mới.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty sử dụng các danh mục: danh mục khách hàng, nhà cung cấp; danh mục vật tư hàng hóa, danh mục tài khoản và số dư, danh mục công trình, hạng mục công trình…

Phương pháp mã hóa: các danh mục khách hàng, nhà cung cấp, vật tư hàng hóa, công trình sử dụng phương pháp mã hóa liên tiếp, xây dựng mã theo ký tự viết tắt kèm theo số thứ tự liên tiếp nhau. Còn danh mục số dư đầu kỳ sử dụng phương pháp mã hóa phân cấp: cấp 1 sẽ là các tài khoản cấp 1, cấp 2 sẽ là các tài khoản cấp 2,…

Khai báo danh mục nhà cung cấp: Trên màn hình làm việc chọn danh mục → đối tượng → nhà cung cấp

+ Nhấn "thêm"

+ Chọn "tổ chức" hoặc "cá nhân"

+ Chọn "1. Thông tin chung" +

Ô mã:

+ Ô tên:

+ Ô địa chỉ:

+ Ô diễn giải:

+ Ô mã số thuế:

+ Ô điện thoại:

+ Ô fax:

+ Ô email:

+ …

+ Nhấn "cất và thêm"

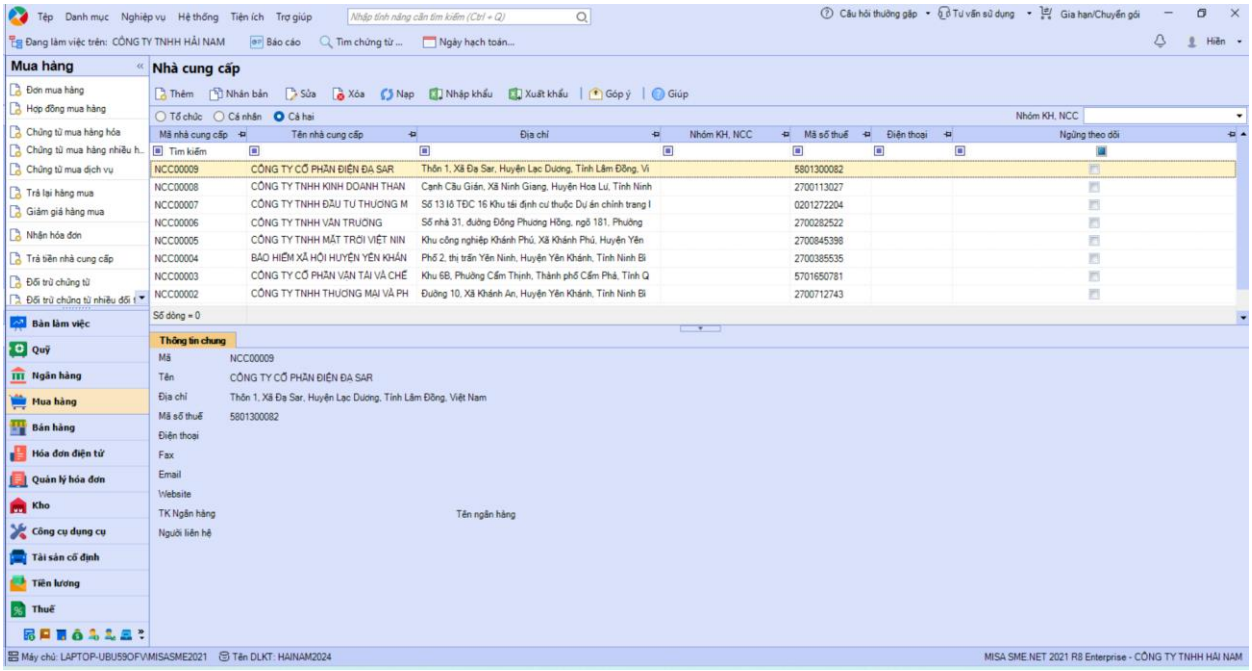

Hình 2.2: Màn hình giao diện danh mục nhà cung cấp

Khai báo danh mục khách hàng: Trên màn hình làm việc chọn danh mục → đối tượng → Khách hàng

+ Nhấn "thêm"
+ Chọn "tổ chức" hoặc "cá nhân"
+ Chọn "1. Thông tin chung" □

  Ô mã:

+ Ô tên:
+ Ô địa chỉ:
+ Ô diễn giải:
+ Ô mã số thuế:
+ Ô điện thoại:
+ Ô fax:
+ Ô email:
+ …

=>Nhấn "cất và thêm"

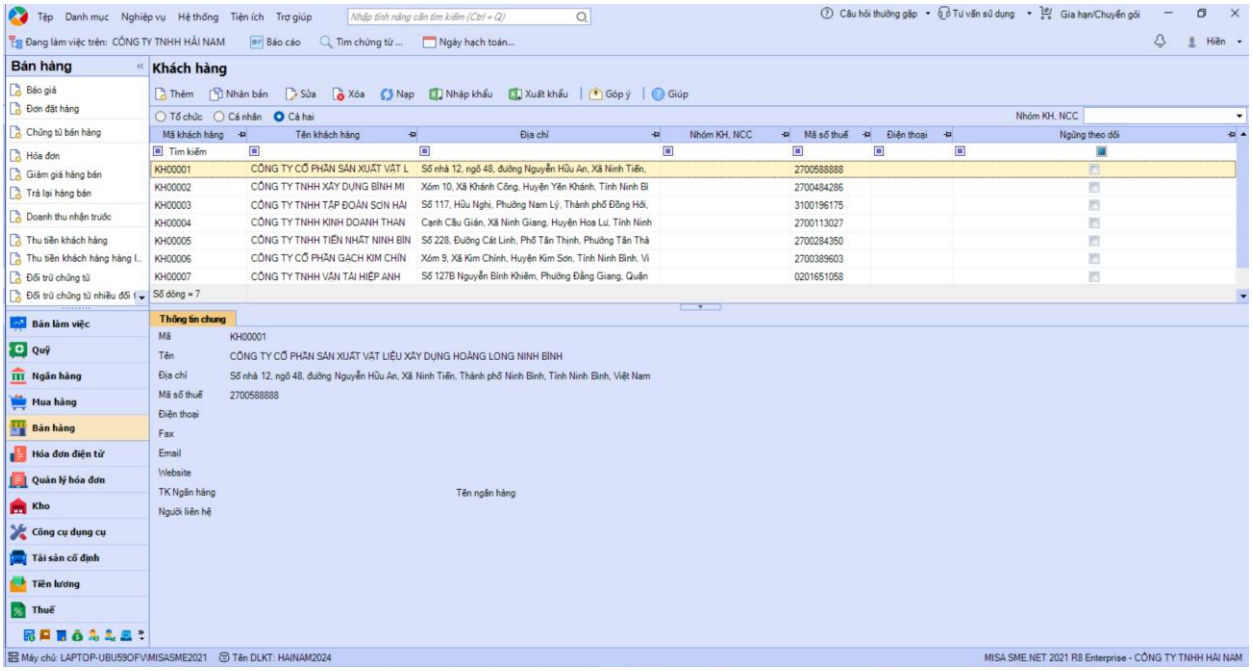

Hình 2.3: Màn hình giao diện danh mục khách hàng

Khai báo danh mục vật tư hàng hóa: Từ màn hình hệ thống, chọn Danh Mục => chọn Vật tư hàng hóa => chọn Vật tư hàng hóa

+ Nhấn thêm và nhập thông tin vào các ô:

+ Ô mã:
+ Ô tên:
+ Ô nhóm VTHH:
+ Ô diễn giải:
+ Ô đơn vị tính :
+ Ô kho ngầm định:
+ Ô tài khoản kho:
+ …

⇨ Nhấn "cất và thêm"

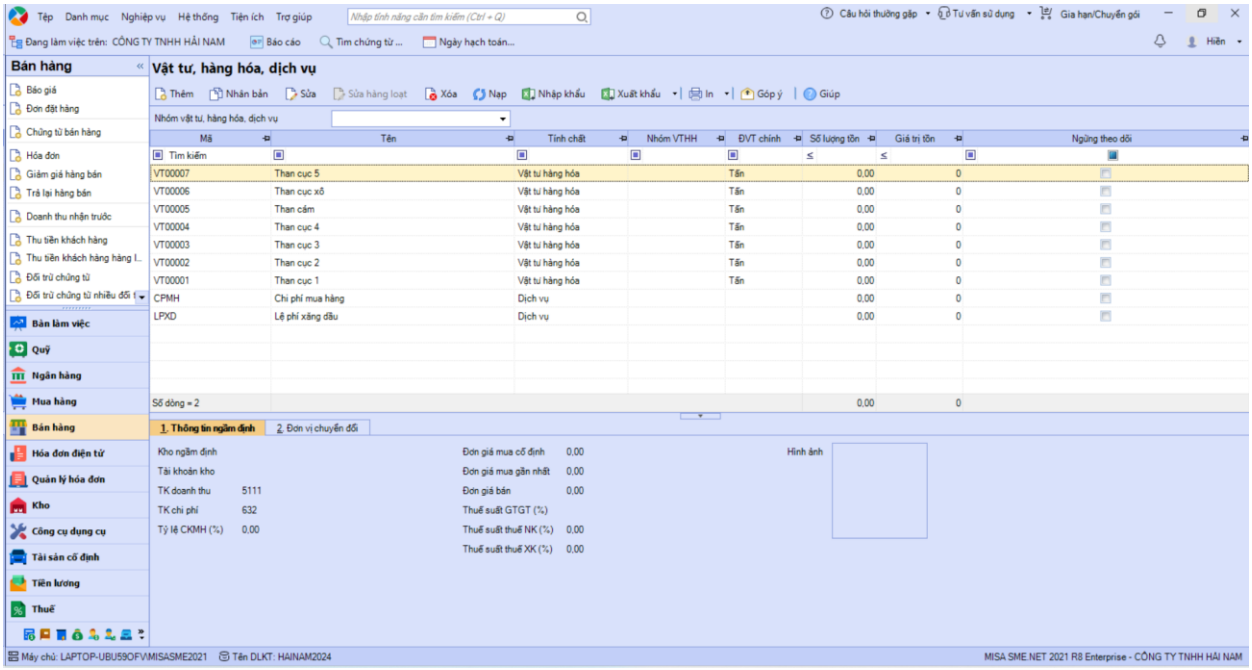

Hình 2.4: Màn hình giao diện danh mục vật tư, hàng hóa, dịch vụ

Danh mục tài khoản và số dư:

Số dư đầu kỳ là các thông tin tài chính đầu kỳ của doanh nghiệp, kế toán phải nhập số liệu này vào thời điểm đầu kỳ làm kế toán để đảm bảo tính liên tục trong kế toán.

Từ màn hình ban đầu của phần mềm → chọn "Nghiệp vụ" → chọn "nhập số dư ban đầu"

Muốn nhập số dư cho tài khoản bất kỳ ta làm như sau:

+ Chọn TK cần nhập số dư

+ Ô dư nợ:

+ Ô dư có:

+ Sau đó nhấn "Chấp nhận".

+ Đối với những tài khoản cần đăng ký chi tiết: Nhấn chuột phải tại TK cần đăng ký chi tiết lựa chọn đăng ký chi tiết, có thể đăng ký chi tiết theo đối tượng; chi tiết theo dõi VAT đầu vào; đầu ra; chi tiết quản lý hàng tồn kho; ngoại tệ; tài sản cố định; chi phí trả trước, CCDC; doanh thu. Ngoài ra những tài khoản không đăng ký chi tiết là những tài khoản nào chỉ cần quản lý đến sổ cái hoặc sổ chi tiết theo cấp tiểu khoản.

+ Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có sử dụng danh mục các TK 511, 515, 811, 711, 632, 641, 642, 635, 911,…

+ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, được mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như sau:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5118: Doanh thu khác

2.1.6. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty

Bảng 2.1: Tình hình tài chính kinh doanh của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch năm 2022 so với năm 2021		Chênh lệch năm 2023 so với năm 2022	
				Số tuyệt đối	Số tương đối	Số tuyệt đối	Số tương đối
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	0	0%	0	0%
2. Tài sản cố định	129.740.581.678	129.858.253.024	130.269.376.460	117.671.346	0.09%	411.123.436	0.32%
3. Doanh thu	48.849.203.016	49.089.903.590	49.899.651.558	240.700.574	0.49%	809.747.968	1.65%
4. Lợi nhuận	625.125.555	644.288.999	658.248.900	19.163.444	3.07%	13.959.901	2.17%
5. Số lao động	42	45	48	3	7.14%	3	6.67%
5.TNBQ/người/tháng	7.600.000	7.800.000	8.000.000	200.000	2.63%	200.000	2.56%

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Phân tích:

Bảng số liệu trên đã phản ánh vô cùng rõ nét tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Hải Nam, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty không có sự thay đổi qua các năm
- Tổng tài sản của công ty có sự biến động. Cụ thể, năm 2022 tổng tài sản tăng 117.671.346đ tương ứng tăng 0.09% so với năm 2021, năm 2023 tăng 411.123.436đ tương ứng tăng 0.32% so với năm 2022. Có thể thấy Công ty đang mở rộng quy mô kinh doanh, biết cách sử dụng đồng vốn có hiệu quả, cải thiện tình hình tài chính.
- Chỉ tiêu doanh thu của Công ty năm 2022 tăng 240.700.574đ tương ứng tăng 0.49% so với năm 2021, năm 2023 tăng 809.747.968đ tương ứng tăng 1.65% so với năm 2022. Có thể nói công ty vượt qua sự cạnh tranh khắc nghiệt trên thị trường kinh doanh.
- Chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty năm 2022 tăng 19.163.444đ tương ứng tăng 3.07% so với năm 2021, năm 2023 tăng 13.959.901đ tương ứng tăng 2.17% so với năm 2022. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế lại tăng đều qua các năm điều này cho thấy Công ty đã tiết kiệm được chi phí trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Cùng với việc mở rộng quy mô nguồn vốn, lực lượng lao động trong công ty tăng dần, thu nhập bình quân trong Công ty không ngừng được cải thiện. Năm 2021 thu nhập bình quân đạt 7.600.000đ/người thì đến năm 2022 là 7.800.000đ/người, tăng 200.000đ/người. Năm 2023 thu nhập bình quân tăng 200.000đ/người so với năm 2022. Con số này phản ánh Công ty luôn quan tâm tới toàn thể công nhân viên, thu nhập tăng sẽ khuyến khích cho người lao động hăng say làm việc.

Qua nhận xét trên cho thấy Công ty đang trên con đường phát triển và mở rộng quy mô. Hiện nay Công ty đang cố gắng phát triển để đạt kết quả tốt nhất trong tương lai, xây dựng thương hiệu cho riêng mình.

2.2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH Hải Nam

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ kế toán

Các loại chứng từ được Công ty sử dụng trong việc bán hàng bao gồm:

- Hợp đồng, cam kết mua bán giữa hai bên.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường kiêm phiếu xuất kho,
- Bảng kê bán lẻ hàng hóa
- Phiếu xuất kho...
- Chứng từ kế toán liên quan khác : Phiếu nhập kho hàng trả lại.
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, giấy báo có, Séc, Uỷ nhiệm thu, bảng sao kê của Ngân hàng….

Tài khoản sử dụng: TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ vào yêu cầu của khách hàng thông qua "Bảng báo giá" bộ phận kinh doanh sẽ kiểm tra nguồn hàng và tìm nguồn hàng phù hợp sau đó gửi cho người mua "Đơn đặt hàng" – *(Biểu 2.1)*,.

Biểu 2.1: Đơn đặt hàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐẶT HÀNG

Số: 01

Kính gửi: Công ty TNHH Hải Nam

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Đại Đoàn có nhu cầu đặt hàng tại Quý công ty theo mẫu yêu cầu.

Nội dung đặt hàng như sau:

STT	Tên mặt hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Than cục 1	Tấn	50	3.550.000đ	177.500.000
2	Than cục xô	Tấn	34	2.250.000	76.500.000
3	Than cám	Tấn	25	1.360.000	34.000.000

Tổng cộng:

Thời gian giao hàng: Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày xác nhận đơn hàng.

Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty

Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Thanh toán trước 50% giá trị hợp đồng, 50% còn lại thanh toán sau khi giao hàng.

Ninh Bình, ngày 13 tháng 02 năm 2024

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào đơn đặt hàng, kế toán tiến hành lập hóa đơn giá trị gia tăng để ghi nhận doanh thu, và gửi sang bên khách hàng.

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 39

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date)* 14 tháng *(month)* 02 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1C23THN**
Số *(No.):* **39**

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH HẢI NAM**
Mã số thuế *(Tax code):* **2700274779**
Địa chỉ *(Address):* **Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà - Phường Nam Bình - Thành phố Ninh Bình - Ninh Bình.**
Điện thoại ***(Phone number):***
Số tài khoản *(Account No.):* **Tại**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*
Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH
Mã số thuế *(Tax code):* 2700484286
Địa chỉ *(Address):* Xóm 10, xã Khánh Công, Huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
Số tài khoản *(Account No.):* **Tại**
Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK
Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6 = 4 x 5**
1	Than cục 1	Tấn	50	3.550.000	177.500.000
2	Than cục xô	Tấn	34	2.250.000	76.500.000
3	Than cám	Tấn	25	1.360.000	34.000.000
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	**288.000.000**
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	**28.800.000**
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	**316.800.000**

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Ba trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Ký bởi CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Ký ngày 14/02/2024

Signature valid

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: 9BB46B5NGBHL6PR. Mã của cơ quan thuế: 00CB06BA282523463099CC5ACA03BE7D3C

Quy trình nhập liệu vào phần mềm:

Trên màn hình nhập liệu chọn Bán hàng, chọn tiếp Chứng từ bán hàng

Ngày hạch toán: 14/02/2024

Ngày chứng từ: 14/02/2024

Số chứng từ: BH00011

Khách hàng: KH00002

Khi đó mã số thuế, địa chỉ, tên công ty phần mềm sẽ tự động cập nhập

Diễn giải: Bán hàng Công ty TNHH Xây dựng Bình Minh theo hóa đơn 39

Tại tab hàng tiền

Mã hàng ấn Tab hiển thị VT00001: Than cục 1, VT00006: Than cục xô, VT0005: Than cám

TK công nợ/ chi phí: 131

TK doanh thu: 5111

Nhập số lượng, đơn giá của từng mặt hàng

Tại tab thuế

% thuế GTGT: 10%

Chọn hóa đơn và tiến hành nhập liệu:

Mẫu số hóa đơn: chọn 01GTKT3/001

Ký hiệu hóa đơn: 1C23THN

Số hóa đơn: 39

Cất.

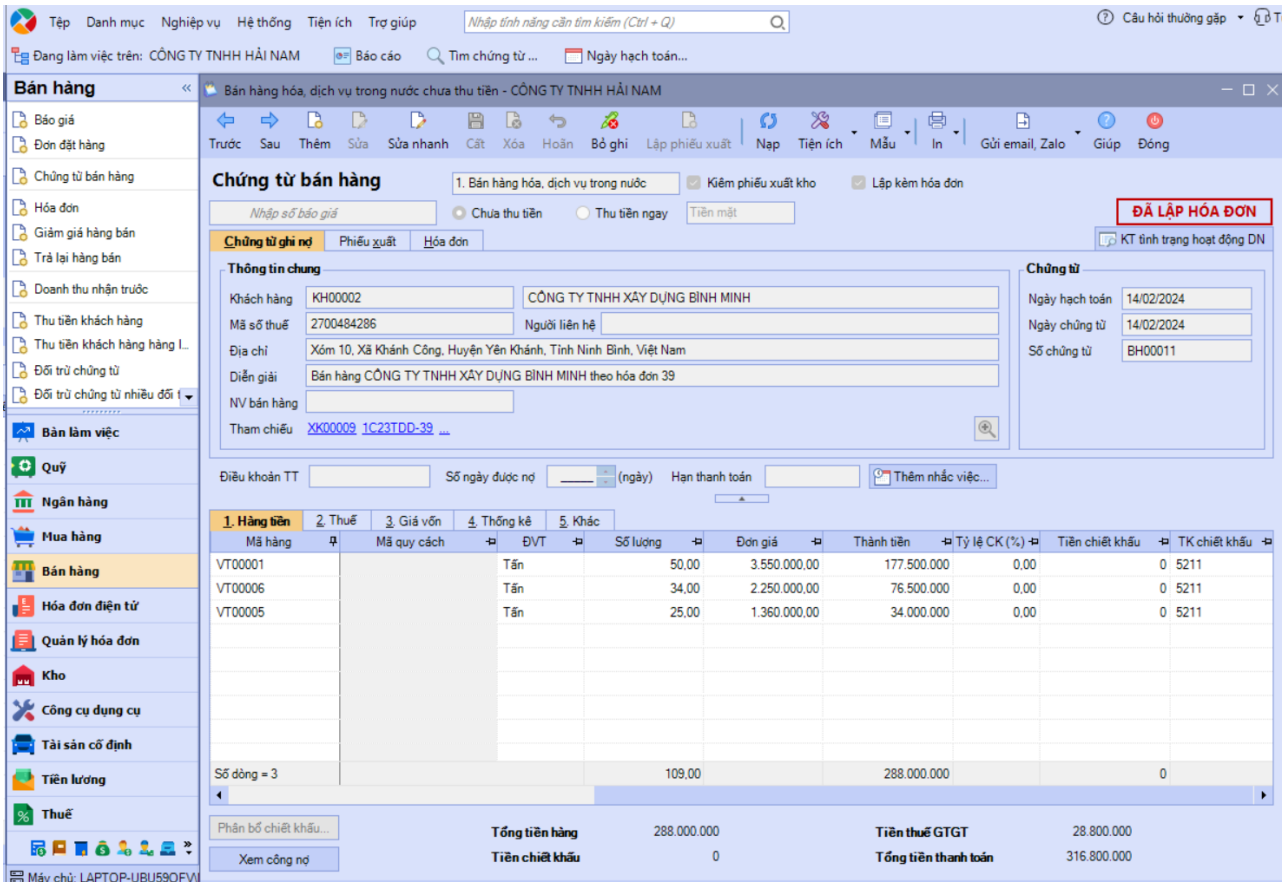

Hình 2.5: Giao diện nhập liệu hạch toán doanh thu trên phần mềm Misa

Từ số liệu trên, số liệu sẽ tự động chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái 511, 131 phản ánh nghiệp vụ trên. Cuối năm kế toán thực hiện kết chuyển trên phần mềm kế toán TK 511 sang TK 911 để xác định kết quả cung cấp dịch vụ trong kỳ. Số liệu này sẽ được phản ánh trên sổ cái TK 511, 911 và Báo cáo kết quả kinh doanh. Để xem sổ chi tiết tài khoản, ta vào tổng hợp => sổ chi tiết tài khoản => chọn tài khoản 511 và thời gian từ 01/02/2024 đến 29/02/2024

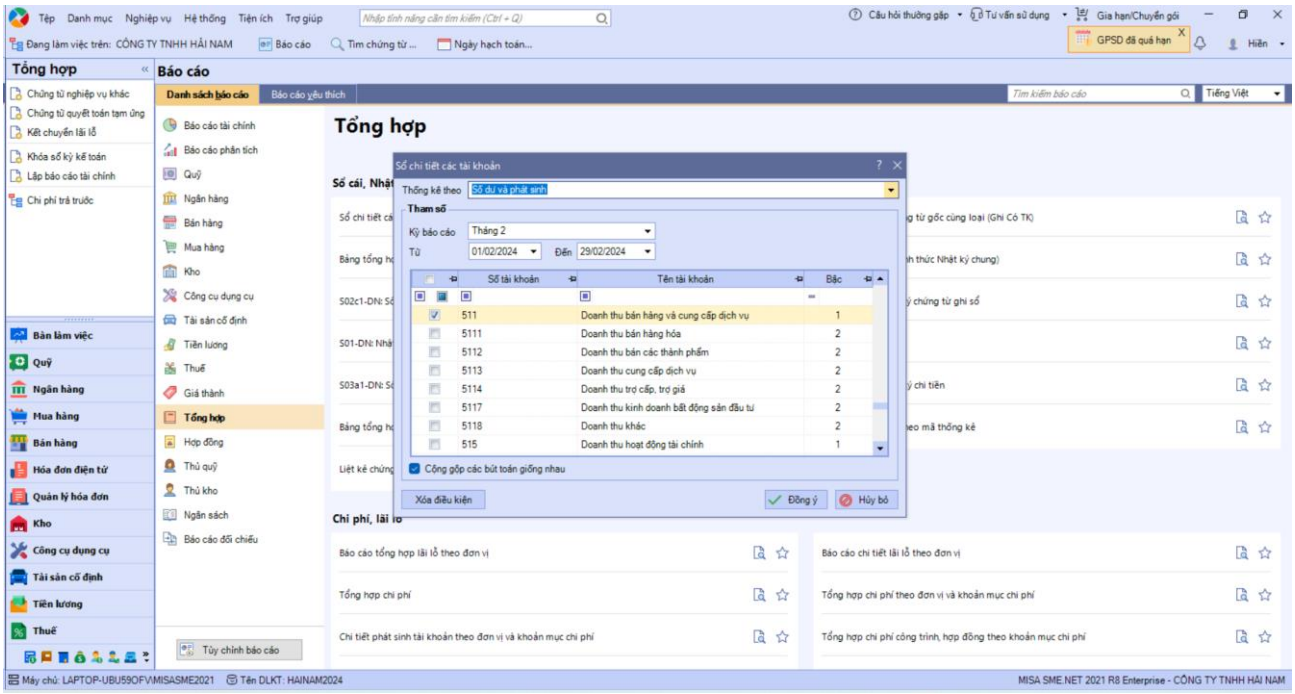

Hình 2.6: Giao diện xem sổ chi tiết TK 511

Biểu 2.3: Sổ chi tiết TK 511 – Than cám

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S35-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 02 năm 2024

Tên sản phẩm: Than cám

Ngày hạch toán	Chứng từ		Hóa đơn		Diễn giải	TK đối ứng	ĐVT	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Ngày	Số hiệu	Ngày	Số				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
…	…	…	…	…	…							
14/02/2024	14/02/2024	BH00011	14/02/2024	39	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH	131	Tấn	25,00	1.360.000,00	34.000.000		
17/02/2024	17/02/2024	BH00021	29/02/2024	49	Bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP ANH theo	131	Tấn	40,00	1.360.000,00	54.400.000		
22/02/2024	22/02/2024	BH00022	27/02/2024	50	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM CHÍNH	131	Tấn	95,00	1.360.000,00	129.200.000		
…	…	…	…	…	…							
					Cộng số phát sinh			**410,00**		**557.600.000**		
					- Doanh thu thuần					**557.600.000**		
					- Giá vốn hàng bán					**401.840.796**		
					- Lãi gộp					**155.759.204**		

Biểu 2.4: Sổ chi tiết 511 – Than cục 1

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S35-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 02 năm 2024

Tên sản phẩm: Than cục 1

Ngày hạch toán	Chứng từ		Hóa đơn		Diễn giải	TK đối ứng	ĐVT	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Ngày	Số hiệu	Ngày	Số				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…		
14/02/2024	14/02/2024	BH00011	14/02/2024	39	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH	131	Tấn	50,00	3.550.000,00	177.500.000		
17/02/2024	17/02/2024	BH00021	29/02/2024	49	Bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP ANH theo	131	Tấn	55,00	3.550.000,00	195.250.000		
22/02/2024	22/02/2024	BH00022	27/02/2024	50	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM CHÍNH	131	Tấn	95,00	3.550.000,00	337.250.000		
…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…		
					Cộng số phát sinh			**445,00**		**1.573.750.000**		
					- Doanh thu thuần					**1.573.750.000**		
					- Giá vốn hàng bán					**1.335.000.000**		
					- Lãi gộp					**238.750.000**		

Biểu 2.5: Sổ chi tiết TK 511 – Than cục xô

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S35-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 02 năm 2024

Tên sản phẩm: Than cục xô

Ngày hạch toán	Chứng từ		Hóa đơn		Diễn giải	TK đối ứng	ĐVT	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Ngày	Số hiệu	Ngày	Số				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
…	…	…	…	….	…	…	…	…	…			
14/02/2024	14/02/2024	BH00011	14/02/2024	39	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH	131	Tấn	34,00	2.250.000,00	76.500.000		
17/02/2024	17/02/2024	BH00021	29/02/2024	49	Bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP ANH theo	131	Tấn	60,00	2.250.000,00	135.000.000		
22/02/2024	22/02/2024	BH00022	27/02/2024	50	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM CHÍNH	131	Tấn	95,00	2.250.000,00	213.750.000		
…	…	…	…	…	…	…	…	…	…	…		
					Cộng số phát sinh			**424,00**		**954.000.000**		
					- Doanh thu thuần					**954.000.000**		
					- Giá vốn hàng bán					**826.905.474**		
					- Lãi gộp					**127.094.526**		

Biểu 2.6: Sổ cái TK 511

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI (Trích)

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
…	…	…	**…**					
14/02/2024	BH00011	14/02/2024	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo			131		288.000.000
17/02/2024	BH00021	17/02/2024	Bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP ANH theo hóa			131		384.650.000
22/02/2024	BH00022	22/02/2024	Bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM CHÍNH theo hóa			131		680.200.000
….	…	…	…					
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			911	3.085.350.000	
			- Cộng số phát sinh				**3.085.350.000**	**3.085.350.000**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**3.085.350.000**	**3.085.350.000**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là những khoản phát sinh được điều chỉnh làm giảm doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm và cung ứng dịch vụ của công ty trong kỳ kế toán. Khi đó Doanh thu thực hiện = Giá trị các khoản thu được (sẽ thu được) – Các khoản giảm trừ. Các giảm trừ doanh thu bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- **Chiết khấu thương mại** là khoản thu mà công ty bán giảm giá cho khách hàng khi mua hàng hoá, sản phẩm,… với khối lượng lớn.

Chứng từ sử dụng:

Hợp đồng kinh tế

Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng

Tài khoản sử dụng: TK 5211

Điều kiện ghi nhận chiết khấu thương mại: Khi khách hàng mua hàng với số lượng trên 100 tấn trở lên của từng loại than và áp dụng cho toàn bộ các mặt hàng than sẽ được hưởng chiết khấu 1% trên hóa đơn.

- **Giảm giá hàng bán** là khoản mà công ty bán giảm giá cho khách hàng khi khách hàng mua hàng hoá, thành phẩm nhưng lại kém phẩm chất hay không đáp ứng đủ điều kiện chất lượng như trong hợp đồng đã ký giữa 2 bên.

Chứng từ sử dụng:

Biên bản giảm giá hàng bán

Hóa đơn giảm giá hàng bán

Tài khoản sử dụng: TK 5213

- **Hàng đã bán bị trả lại** là số hàng mà khách hàng trả lại cho doanh nghiệp khi doanh nghiệp bán hàng hoá, thành phẩm nhưng bị kém phẩm chất, chủng loại…

Chứng từ sử dụng:

Biên bản trả hàng

Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng

Khi có hàng bán trả lại, căn cứ vào biên bản trả hàng và hóa đơn GTGT. Kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho để nhập lại sản phẩm. Đồng thời lập phiếu kế toán hàng bán trả lại để ghi nhận vào doanh thu hàng bán trả lại.

Tài khoản sử dụng: 5212

Sổ kế toán sử dụng: Sổ chi tiết TK 521, Sổ cái TK 521, Sổ nhật ký chung

Quy trình nhập liệu: Khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, thỏa mãn điều kiện được chiết khấu thương mại, kế toán sẽ lập hóa đơn, chứng từ liên quan đồng thời hạch toán lên phần mềm kế toán Misa và được theo dõi ở TK 521

➢ Trong tháng 2/2024, Công ty không có phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu.

2.2.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính của công ty bao gồm các khoản tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng.

Chứng từ ghi nhận doanh thu: giấy báo có của ngân hàng, bảng sao kê ngân hàng, phiếu kế toán..

Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 515 – doanh thu hoạt động tài chính

+ Và một số tài khoản thanh toán khác như: TK 112,...

Sổ kế toán sử dụng: sổ cái TK 515, sổ nhật ký chung

Quy trình xử lý nghiệp vụ kế toán: Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu hoạt động tài chính như:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ….
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

Kế toán dựa vào hóa đơn, chứng từ để ghi chép vào các sổ sách liên quan, đồng thời hạch toán lên phần mềm kế toán MISA và được theo dõi ở TK 515.

Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào các sổ kế toán liên quan.

Công ty TNHH Hải Nam có tài khoản ngân hàng, ngày cuối tháng ngân hàng sẽ thanh toán một khoản tiền lãi không kỳ hạn ứng với số dư tiền trong tài khoản ngân hàng.

Tài liệu thực tế: Ngày 29/02/2024 thu từ lãi tiền gửi ngân hàng (theo sao kê ngân hàng từ ngày 01/02/2024 đến 29/02/2024)

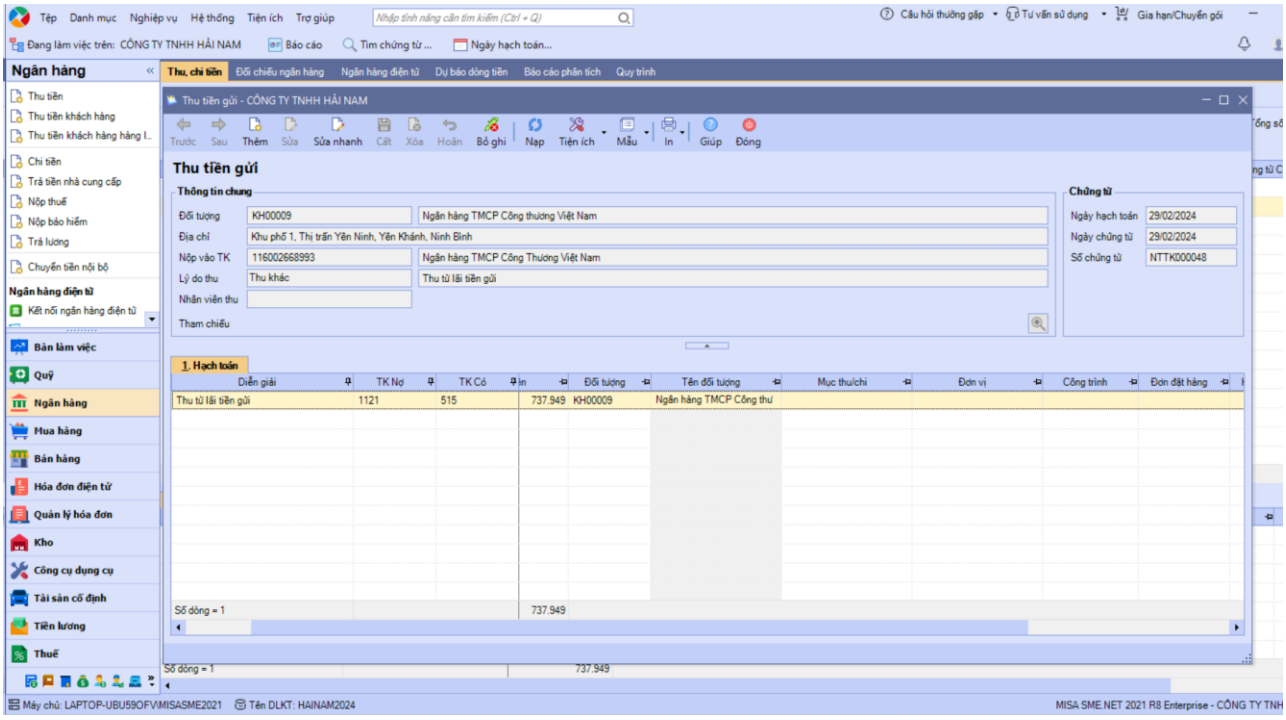

Hình 2.7: Giao diện màn hình nhập liệu thu từ lãi tiền gửi

Quy trình nhập liệu vào phần mềm:

Bước 1: Mở phần mềm Misa

Bước 2: Vào phân hệ ngân hàng/ Thu tiền gửi

Bước 3: Chọn TK ngân hàng công ty

Bước 4: Nhập thông tin

Lý do thu: Thu từ lãi tiền gửi

TK Nợ: 1121

TK Có: 515

Nhập số tiền: 737.949

Nhập ngày hạch toán, ngày chứng từ, số chứng từ

Bước 5: Lưu

Căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán hạch toán vào phần mềm trên phân hệ Ngân hàng, sau đó dữ liệu tự động ghi nhận vào sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 515. Để xem được mẫu sổ liên quan, kế toán chọn biểu tượng Báo cáo trên thanh công cụ, lựa chọn thư mục sổ kế toán rồi lựa chọn mẫu sổ kế toán muốn xem.

Biểu 2.7: Sổ chi tiết TK 515

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515; Tháng 02 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã mục thu/chi	Tên mục thu/chi
29/02/2024	29/02/2024	NTTK000048	Thu từ lãi tiền gửi	515	1121	0	737,949	0	737,949		
29/02/2024	29/02/2024	NTTK000049	Thu từ lãi tiền gửi	515	1121	0	1,449	0	739,398		
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	515	911	739,398	0	0	0		
			Cộng	**515**		**739,398**	**739,398**				
			Số dư cuối kỳ	**515**				0	0		

Biểu 2.8: Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính *Đơn vị tính:*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
29/02/2024	NTTK000048	29/02/2024	Thu từ lãi tiền gửi			1121		737.949
29/02/2024	NTTK000049	29/02/2024	Thu từ lãi tiền gửi			1121		1.449
29/02/2024	NVK00051	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			911	739.398	
			- Cộng số phát sinh				**739.398**	**739.398**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**739.398**	**739.398**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.1.4. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác tại Công ty là các khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, nội dung cụ thể bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.
- Giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.
- Tiền thu được phạt do khách hàng, đơn vị khác vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Các khoản thuế được nhà nước miễn giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thu từ các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các cá nhân, tổ chức tặng doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập kinh doanh của năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán nay phát hiện ra...
- Các khoản chi phí, thu nhập khác xảy ra không mang tính chất thường xuyên, khi phát sinh đề phải có các chứng từ hợp lý, hợp pháp mới được ghi sổ kế toán.

Tài khoản sử dụng : TK 711 – Thu nhập khác

Chứng từ sử dụng : Phiếu thu, Biên bản thanh lý TSCĐ…

Sổ kế toán : sổ cái TK 711; sổ nhật ký chung

➢ Trong kỳ, công ty không có phát sinh các khoản kế toán thu nhập khác.

2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty TNHH Hải Nam

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

*** Phương pháp xác định giá vốn:**

Cũng như Doanh thu của hàng hoá thì Giá vốn của hàng hoá cũng chỉ xác định khi hàng hoá được xác định là tiêu thụ. Giá vốn hàng hoá là chi phí hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Tại Công ty giá vốn của hàng hoá xuất kho được tính theo công thức sau:

Giá thực tế hàng hóa xuất kho = Số lượng hàng hóa xuất kho x Giá đơn vị bình quân

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ + Nhập trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn tất việc giao hàng, Bộ phận Kế toán có nhiệm vụ ghi chép, nhập số liệu chi tiết những lần nhập xuất cho từng mặt hàng cụ thể như: mã kho, mã vật tư…Như vậy trong quá trình theo dõi Nhập - xuất - tồn của hàng hoá sẽ dễ dàng, thuận tiện hơn, tính giá của hàng hoá cũng chính xác hơn.

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Bảng kê hóa đơn bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Bảng chứng từ khác liên quan đến nghiệp vụ bán hàng.

*** Tài khoản sử dụng:**

❖ Tài khoản 632 – " Giá vốn hàng bán"

*** Sổ sách sử dụng:**

- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK 632, sổ cái TK 632

*** Quy trình kế toán**

Khi nhận được lệnh xuất kho kèm theo giấy xuất kho thì thủ kho làm thủ tục xuất hàng và điền các thông tin cần thiết vào phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho có đủ chữ ký của người lập, kế toán trưởng, giám đốc, thủ kho và người nhận.

Khi hàng hoá được bàn giao, kế toán tiến hành viết Hoá đơn bán hàng giao cho khách hàng. Đồng thời trong ngày sẽ thực hiện công việc nhập số liệu vào phần mềm.

Cuối kỳ kế toán tiến hành thực hiện tính giá vốn xuất kho trên phần mềm kế toán Misa.

Các bước tính giá xuất kho trên phần mềm

B1: Tại phân hệ Kho/Quy trình, chọn chức năng Tính giá xuất kho

B2: Chọn dữ liệu từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024

B3: Nhấn Thực hiện và Kết thúc

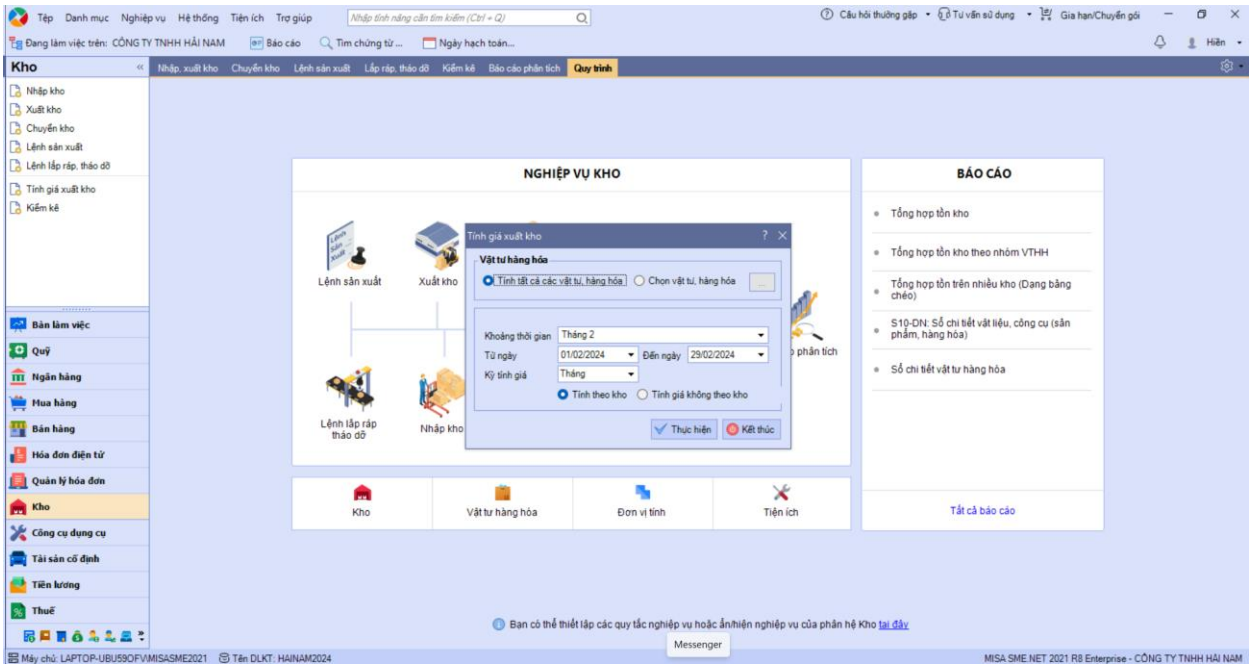

Hình 2.8: Giao diện màn hình tính giá vốn xuất kho

Biểu 2.9: Sổ chi tiết TK 632

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S10-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 02 năm 2024

Mã kho: 01
Tên kho: Kho01

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	ĐVT	Đơn giá	Nhập		Xuất		**Tồn**		**Ghi chú**
Số hiệu	Ngày, tháng					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	**Số lượng**	**Thành tiền**	
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5=1x4	**6**	**7=1x6**	**8**
Mã hàng: VT00001			**Tên hàng: Than cục 1**									
		Số dư đầu kỳ		Tấn	3.000.000,00					**100.000,00**	**300.000.000.000**	
XK00005	04/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH BÌNH theo hóa đơn	632	Tấn	3.000.000,00			70,00	210.000.000	**99.930,00**	**299.790.000.000**	
XK00006	05/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP	632	Tấn	3.000.000,00			30,00	90.000.000	**99.900,00**	**299.700.000.000**	
XK00014	09/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THAN MỎ VIỆT DŨNG	632	Tấn	3.000.000,00			55,00	165.000.000	**99.845,00**	**299.535.000.000**	

XK00009	14/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn	632	Tấn	3.000.000,00			50,00	150.000.000	**99.795,00**	**299.385.000.000**	
NK00004	15/02/2024	Nhập kho	154	Tấn	3.000.000,00	200,00	600.000.000			**99.995,00**	**299.985.000.000**	
XK00011	17/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP	632	Tấn	3.000.000,00			55,00	165.000.000	**99.940,00**	**299.820.000.000**	
XK00012	22/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM	632	Tấn	3.000.000,00			95,00	285.000.000	**99.845,00**	**299.535.000.000**	
NK00005	23/02/2024	Nhập kho	154	Tấn	3.000.000,00	300,00	900.000.000			**100.145,00**	**300.435.000.000**	
XK00013	26/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH BÌNH theo hóa đơn	632	Tấn	3.000.000,00			90,00	270.000.000	**100.055,00**	**300.165.000.000**	
Cộng						500,00	1.500.000.000	445,00	1.335.000.000	**100.055,00**	**300.165.000.000**	
Mã hàng: VT00005			**Tên hàng: Than cám**									
		Số dư đầu kỳ		Tấn	980.000,00					**100.000,00**	**98.000.000.000**	
XK00005	04/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH BÌNH theo hóa đơn	632	Tấn	980.099,50			80,00	78.407.960	**99.920,00**	**97.921.592.040**	
XK00006	05/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP	632	Tấn	980.099,50			30,00	29.402.985	**99.890,00**	**97.892.189.055**	
XK00014	09/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THAN MỎ VIỆT DŨNG	632	Tấn	980.099,50			50,00	49.004.975	**99.840,00**	**97.843.184.080**	

XK00009	14/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn	632	Tấn	980.099,50			25,00	24.502.488	**99.815,00**	**97.818.681.592**	
NK00004	15/02/2024	Nhập kho	154	Tấn	1.000.000,00	200,00	200.000.000			**100.015,00**	**98.018.681.592**	
XK00011	17/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP	632	Tấn	980.099,50			40,00	39.203.980	**99.975,00**	**97.979.477.612**	
XK00012	22/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM	632	Tấn	980.099,50			95,00	93.109.453	**99.880,00**	**97.886.368.159**	
NK00005	23/02/2024	Nhập kho	154	Tấn	1.000.000,00	300,00	300.000.000			**100.180,00**	**98.186.368.159**	
XK00013	26/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH BÌNH theo hóa đơn	632	Tấn	980.099,50			90,00	88.208.955	**100.090,00**	**98.098.159.204**	
Cộng						500,00	500.000.000	410,00	401.840.796	**100.090,00**	**98.098.159.204**	

Mã hàng: VT00006 **Tên hàng: Than cục xô**

		Số dư đầu kỳ		Tấn	1.950.000,00					**100.000,00**	**195.000.000.000**	
XK00005	04/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH BÌNH theo hóa đơn	632	Tấn	1.950.248,76			65,00	126.766.169	**99.935,00**	**194.873.233.831**	
XK00006	05/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP	632	Tấn	1.950.248,76			30,00	58.507.463	**99.905,00**	**194.814.726.368**	
XK00014	09/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THAN MỎ VIỆT DŨNG	632	Tấn	1.950.248,76			50,00	97.512.438	**99.855,00**	**194.717.213.930**	
XK00009	14/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn	632	Tấn	1.950.248,76			34,00	66.308.458	**99.821,00**	**194.650.905.472**	

NK00004	15/02/2024	Nhập kho	154	Tấn	2.000.000,00	200,00	400.000.000			**100.021,00**	**195.050.905.472**	
XK00011	17/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP	632	Tấn	1.950.248,76			60,00	117.014.926	**99.961,00**	**194.933.890.546**	
XK00012	22/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM	632	Tấn	1.950.248,76			95,00	185.273.632	**99.866,00**	**194.748.616.914**	
NK00005	23/02/2024	Nhập kho	154	Tấn	2.000.000,00	300,00	600.000.000			**100.166,00**	**195.348.616.914**	
XK00013	26/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH BÌNH theo hóa đơn	632	Tấn	1.950.248,76			90,00	175.522.388	**100.076,00**	**195.173.094.526**	
Cộng						500,00	1.000.000.000	424,00	826.905.474	**100.076,00**	**195.173.094.526**	
Tổng cộng						1.500,00	3.000.000.000	1.279,00	2.563.746.270	**300.221,00**	**593.436.253.730**	

- Sổ này có 04 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 04
- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Để xem sổ cái TK 632, kế toán vào Báo cáo, chọn Tổng hợp, chọn Sổ cái TK 632.

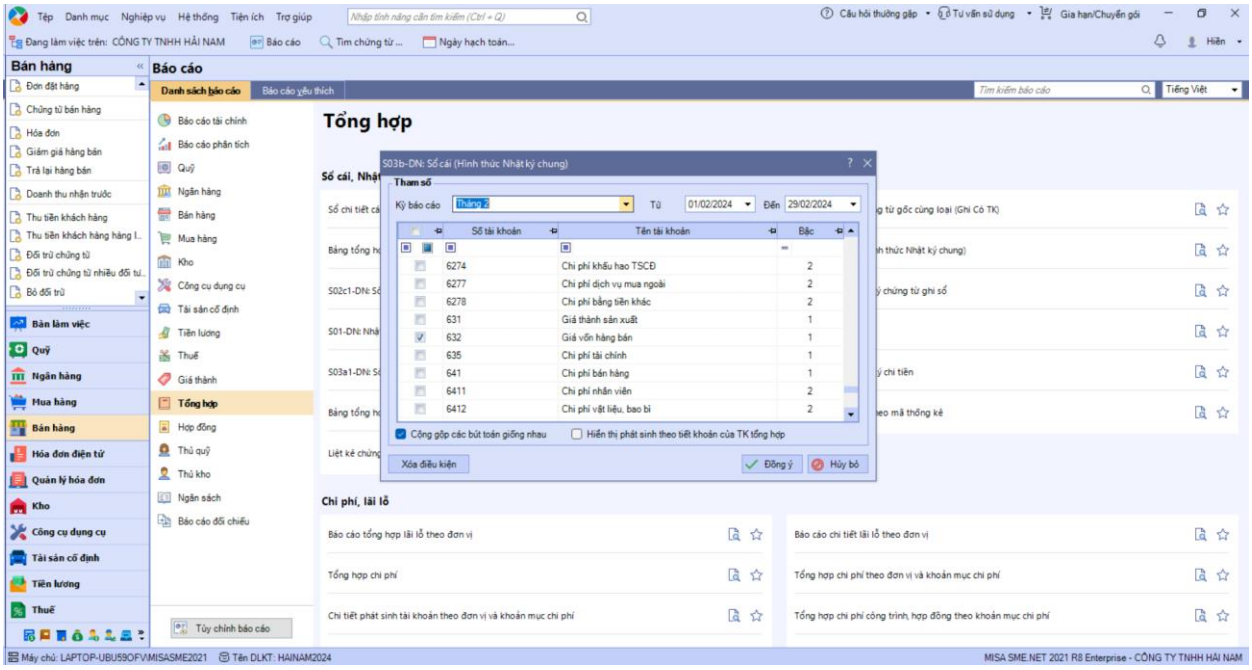

Hình 2.9: Giao diện màn hình xem sổ cái TK 632

Biểu 2.10: Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán *Đơn vị tính:*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
04/02/2024	XK00005	04/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH			1561	415.174.129	
05/02/2024	XK00006	05/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP ANH			1561	177.910.448	
09/02/2024	XK00014	09/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH KINH DOANH THAN MỎ VIỆT DŨNG theo			1561	311.517.413	
14/02/2024	XK00009	14/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH			1561	240.810.946	
17/02/2024	XK00011	17/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HIỆP ANH			1561	321.218.906	
22/02/2024	XK00012	22/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KIM			1561	563.383.085	
26/02/2024	XK00013	26/02/2024	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH TIẾN NHẤT NINH			1561	533.731.343	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			911		2.563.746.270
			- Cộng số phát sinh				**2.563.746.270**	**2.563.746.270**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**2.563.746.270**	**2.563.746.270**

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí dịch vụ mua ngoài này chính là chi phí thuê vận chuyển hàng hóa… Các khoản chi phí này đều được coi là hợp lệ nếu có đủ các chứng từ có liên quan để kế toán làm căn cứ và được tập hợp vào tài khoản chi phí bán hàng (TK 641). Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT, hợp đồng dịch vụ mua ngoài

+ Phiếu chi.

+ Giấy báo nợ.

Sổ sách sử dụng: sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 641, sổ nhật ký chung

Tài khoản sử dụng: TK 641

Quy trình xử lý nghiệp vụ: Hằng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán căn cứ vào các chứng từ nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào các sổ liên quan.

Tài liệu thực tế: Căn cứ vào hóa đơn số 25 ngày 18/02/2024 công ty TNHH Hải Nam thuê Công ty TNHH Vân Trường vận chuyển than bán cho khách hàng công ty với số tiền là 96.435.600 (chưa bao gồm thuế 10%), kế toán tiến hành ghi nhận chi phí bán hàng trên phần mềm kế toán.

Biểu 2.11: Hóa đơn GTGT số 25

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date)* 18 tháng *(month)* 02 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial):* **1C23THN**
Số *(No.):* **25**

Đơn vị bán hàng *(Issued):* **CÔNG TY TNHH VÂN TRƯỜNG**

Mã số thuế *(Tax code):* **2700274779**

Địa chỉ *(Address):* **Số nhà 31, Đường Đông Phương Hồng, ngõ 181, phường Đông Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**

Điện thoại *(Phone number):*

Số tài khoản *(Account No.):* **Tại**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name):*

Tên đơn vị *(Company name):* CÔNG TY TNHH HẢI NAM

Mã số thuế *(Tax code):* 2700274779

Địa chỉ ***(Address):*** Số nhà 06, Đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Số tài khoản *(Account No.):* **Tại**

Hình thức thanh toán *(Payment method):* TM/CK

Ghi chú *(Note):*

STT *(No.)*	**Tên hàng hóa, dịch vụ** *(Description)*	**ĐVT** *(Unit)*	**Số lượng** *(Quantity)*	**Đơn giá** *(Unit price)*	**Thành tiền** *(Amount)*
1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6 = 4 x 5**
1	Thuê vận chuyển than		1	96.435.600	96.435.600
				Cộng tiền hàng *(Total amount):*	96.435.600
Thuế suất GTGT *(VAT rate):* 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT Amount):*	9.643.560
				Tổng cộng tiền thanh toán *(Total payment):*	106.079.160

Số tiền viết bằng chữ *(Amount in words):* Một trăm linh sáu triệu không trăm bảy mươi chín nghìn một trăm sáu mươi đồng./.

Người mua hàng *(Buyer)* **Người bán hàng** *(Seller)*

Ký bởi CÔNG TY TNHH VÂN TRƯỜNG
Ký ngày 18/02/2024
Signature valid

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: 9BB46B5NGBHL6PR. Mã của cơ quan thuế: 00CB06BA282523463099CC5ACA03BE7D3C

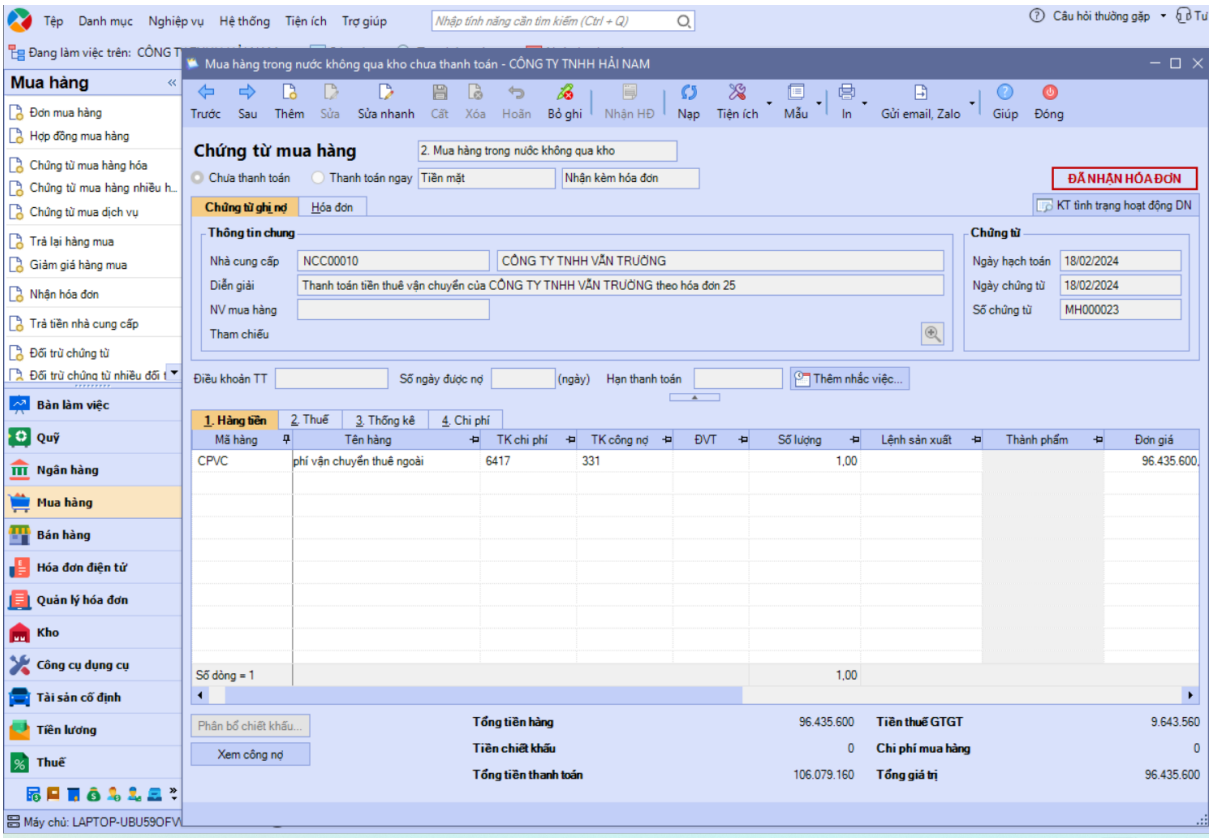

Hình 2.10: Giao diện hạch toán chi phí vận chuyển thuê ngoài

Sau khi hạch toán kế toán, phần mềm sẽ tự động xử lý và hạch toán vào các sổ liên quan. Khi kế toán thực hiện kết chuyển cuối kỳ, số dư TK 641 sẽ được kết chuyển sang TK 911.

Biểu 2.12: Sổ chi tiết TK 641

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 641; Tháng 02 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã mục thu/chi	Tên mục thu/chi
18/02/2024	18/02/2024	MH000023	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH VẪN TRƯỜNG theo hóa đơn 25	641	331	96,435,600	0	96,435,600	0		
24/02/2024	24/02/2024	MH000024	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HOÀNG SƠN theo hóa đơn 26	641	331	42,017,200	0	138,452,800	0		
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	641	911	0	138,452,800	0	0		
			Cộng	**641**		**138,452,800**	**138,452,800**				
			Số dư cuối kỳ	**641**				0	0		

Biểu 2.13: Sổ cái TK 641

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 641 - Chi phí bán hàng *Đơn vị tính:*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
18/02/2024	MH000023	18/02/2024	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH VẪN TRƯỜNG theo hóa đơn			331	96.435.600	
24/02/2024	MH000024	24/02/2024	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HOÀNG SƠN theo hóa đơn			331	42.017.200	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			911		138.452.800
			- Cộng số phát sinh				**138.452.800**	**138.452.800**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**138.452.800**	**138.452.800**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý là chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương cho bộ phận nhân viên quản lý

+ Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho bộ phận quản lý

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: chi phí mua bảo hiểm máy móc thiết bị; phí ngân hàng

Các chứng từ sử dụng: Hóa đơn giá trị gia tăng; Phiếu chi; Giấy báo nợ; Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Các chứng từ khác có liên quan

Sổ sách sử dụng: sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 642, sổ nhật ký chung

Tài khoản sử dụng: TK 642

Quy trình nhập liệu: Hàng ngày, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc phân loại, hoàn chỉnh chứng từ sau đó nhập dữ liệu vào phần mềm. Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào các sổ liên quan.

Trong kỳ, công ty có các chứng từ liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp:

+ Đối với chi phí mua ngoài

Tài liệu thực tế: Ngày 01/02/2024 mua bảo hiểm của công ty BẢO HIỂM PVI HÀ NỘI theo hóa đơn 0004594 chưa thanh toán số tiền là 31.188.675đ, chưa bao gồm thuế GTGT 10%, kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 31.188.675

Nợ TK 133: 3.118.868

Có TK 331: 34.307.543

Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 0004594

PVI

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày *(date) 01* tháng *(month)* 02 năm *(year)* 2024

Ký hiệu *(Serial):* **HN/21E**
Số *(No.):* **0004594**

Khách hàng *(Customer):* **CÔNG TY TNHH HẢI NAM**

Mã số thuế *(Tax code):* **2700274779**

Địa chỉ *(Address):* **Số 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, phường Nam Bình, Thành phố Ninh bình, tỉnh Ninh Bình**

Điện thoại *(Phone number):* **02293.761.999**

Hình thức thanh toán *(Method of payment)*: **TM/CK** **Tỷ giá:** *(Foreign exchange rate):*

STT *(No.)*	Loại hình bảo hiểm *(Class of insurance)*	Số đơn bảo hiểm *(Ref number of the insurance policy)*	Phí bảo hiểm trước thuế GTGT *(Amount before tax)*		Thuế suất GTGT *(VAT rate)*
			Ngoại tệ *(....)*	Đồng Việt Nam *(VND)*	
1	Bảo hiểm máy móc và thiết bị	Thu phí bảo hiểm theo đơn bảo hiểm số 21/01/25/BHKT/PC00567 -> PC00569		31.188.675	10%
	Tổng cộng *(Total)*			**31.188.675**	

Thuế suất GTGT *(VAT rate)*	Tổng phí bảo hiểm trước thuế GTGT *(Amount before tax)*		Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*		Thành tiền sau thuế *(Amount after tax)*	
	Ngoại tệ *(....)*	Đồng Việt Nam *(VND)*	Ngoại tệ *(....)*	Đồng Việt Nam *(VND)*	Ngoại tệ *(....)*	Đồng Việt Nam *(VND)*
...						
0%						
5%						
10%		31.188.675		3.118.868		34.307.543
Tổng cộng *(Total)*		**31.188.675**		**3.118.868**		**34.307.543**

Tổng số tiền viết bằng chữ (In words): Ba mươi bốn triệu ba trăm lẻ bảy nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng chẵn./.

Khách hàng *(Buyer)* **Người bán** *(Seller)*

Ký bởi CÔNG TY BẢO HIỂM PVI HÀ NỘI
Ký ngày 01/02/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: 9BB46B5NGBHL6PR. Mã của cơ quan thuế: 00CB05BA282523463089CC5ACA03BE7D3C

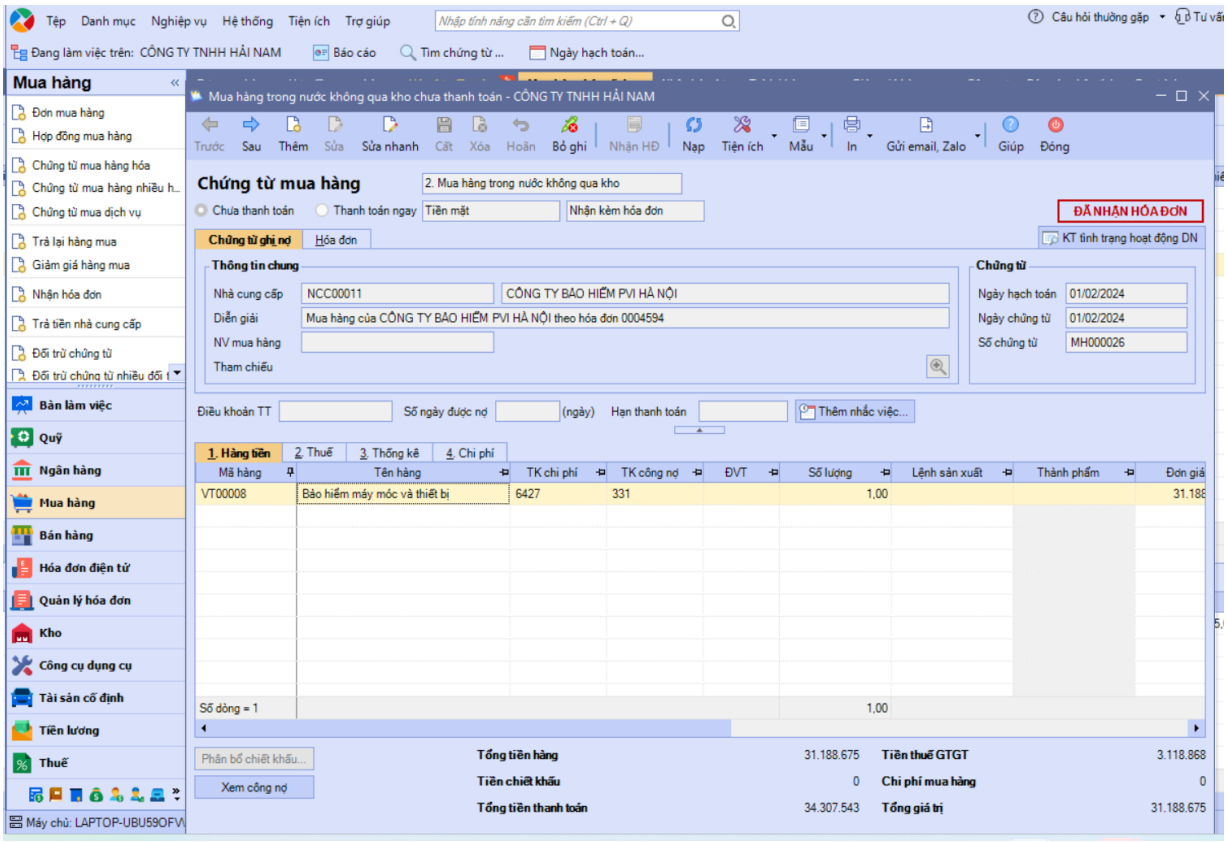

Hình 2.11: Giao diện màn hình nhập liệu mua bảo hiểm máy móc, thiết bị dùng trong bộ phận quản lý

Bảng 2.1: Bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ sử dụng cho bộ phận quản lý

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

BẢNG TÍNH PHÂN BỔ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Tháng 02 năm 2024

Mã CCDC	Tên CCDC	ĐVT	Số lượng còn lại	Số kỳ phân bổ	Số kỳ phân bổ còn lại	Giá trị CCDC	Phân bổ trong kỳ			Lũy kế đã PB	Giá trị còn lại	TK chờ phân bổ
							Đối tượng phân bổ	TK chi phí	Số tiền			
MI01	Máy in	Cái	1,00	24	14	3.413.636	QL	6423	142.235	2.275.756	1.137.880	242
Tổng cộng			**1,00**			**3.413.636**			**142.235**	**2.275.756**	**1.137.880**	

Người lập *(Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng *(Ký, họ tên)*

Giám đốc *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

❖ **Hạch toán chi phí tiền lương tháng 2/2024 trên phần mềm:**

Bước 1: Từ giao diện phần mềm chọn phân hệ tiền lương, chọn hạch toán chi phí lương

Bước 2: Nhập dữ liệu vào các mục:

+ Diễn giải: Hạch toán chi phí lương tháng 2/2024

+ Ngày hạch toán, ngày chứng từ: 29/2/2024

+ Số chứng từ: HTCPL00002

+ Diễn giải:

Nợ TK 642: 36.470.000

Có TK: 334: 36.470.000

Nợ TK 334: 364.700

Có TK 3386: 364.700

Nợ TK 6421: 364.700

Có: 3386: 364.700

Nợ TK 6421: 6.382.250

Có TK 3383: 6.382.250

Nợ TK 334: 2.917.600

Có TK 3383: 2.917.600

Nợ 6421: 1.094.100

Có TK 3384: 1.094.100

Nợ TK 334: 547.050

Có TK 3384: 547.050

Nợ TK 6421: 729.400

Có TK 3382: 729.400

Nợ TK 3341: 38.463

Có TK 3335: 38.463

Bước 3: Chọn cất để lưu.

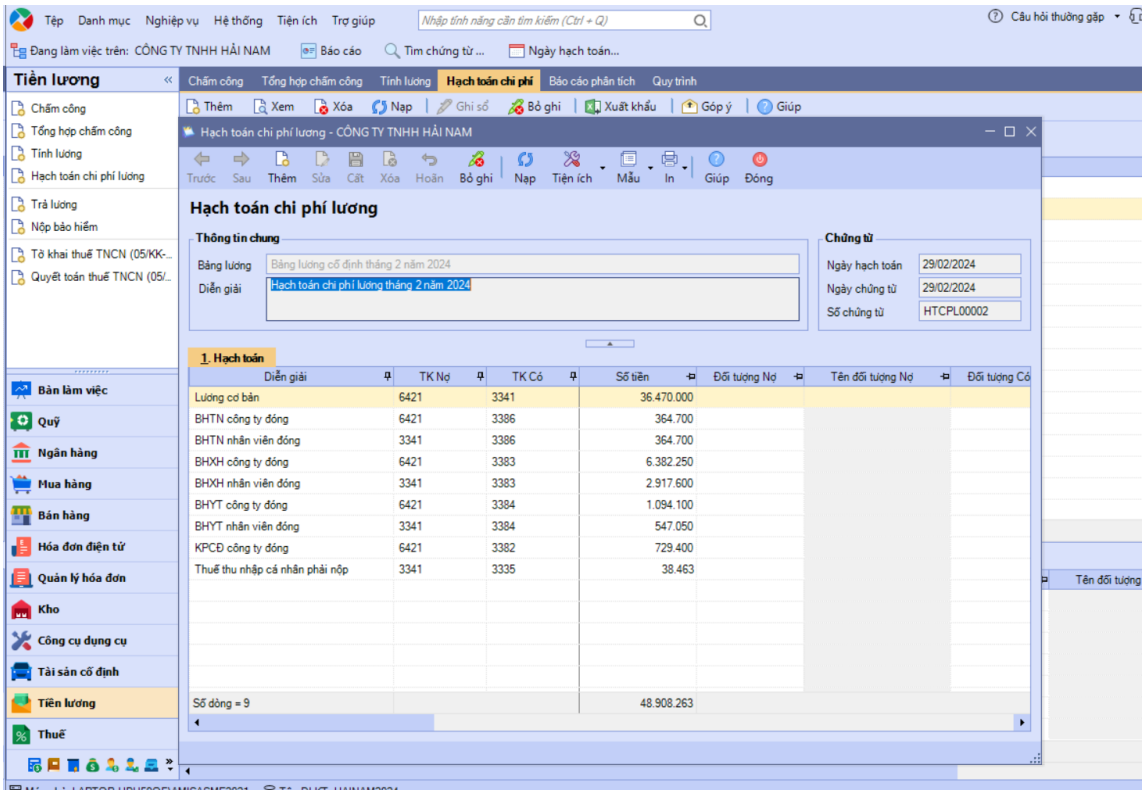

Hình 2.12: Giao diện nhập liệu hạch toán chi phí tiền lương tháng 2/2024

Biểu 2.15: Sổ chi tiết TK 642

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642; Tháng 02 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có	Dư Nợ	Dư Có	Mã mục thu/chi	Tên mục thu/chi
01/02/2024	01/02/2024	MH000026	Mua bảo hiểm của CÔNG TY BẢO HIỂM PVI HÀ NỘI theo hóa đơn 0004594	642	331	31,188,675	0	31,188,675	0		
18/02/2024	18/02/2024	UNC00021	Thanh toán tiền điện của Công ty TNHH MTV Điện Lực Ninh Bình	642	1121	32,165,421	0	63,354,096			
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	642	3341	36,470,000	0	99,824,096	0		
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	642	3386	364,700	0	100,188,796	0		
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	642	3383	6,382,250	0	106,571,046	0		
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	642	3384	1,094,100	0	107,665,146	0		
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	642	3382	729,400	0	108,394,546	0		
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	642	911	0	108,536,781	0	142,235		
29/02/2024	29/02/2024	PBCC00004	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2024	642	242	142,235	0	0	0		
			Cộng	**642**		**108,536,781**	**108,536,781**				
			Số dư cuối kỳ	**642**				**0**	**0**		

Quy trình trích dẫn sổ cái TK 642 trên phần mềm:

Bước 1: Vào phần Báo cáo/ Chọn Tổng hợp/ Chọn S03b- Sổ cái (theo hình thức nhật ký chung)

Bước 2: Chọn tham số bậc tài khoản, kỳ kế toán từ 01/02/2024-29/02/2024

Bước 3: Chọn TK 642 => Chọn Đồng ý

Biểu 2.16: Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp *Đơn vị tính:*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
01/02/2024	MH000026	01/02/2024	Mua bảo hiểm của CÔNG TY BẢO HIỂM PVI HÀ NỘI			331	31.188.675	
18/02/2024	UNC00021	18/02/2024	Thanh toán tiền điện của Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh			1121	32.165.421	
29/02/2024	HTCPL00002	29/02/2024	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024			3341	36.470.000	
29/02/2024	HTCPL00002	29/02/2024	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024			3382	729.400	
29/02/2024	HTCPL00002	29/02/2024	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024			3383	6.382.250	
29/02/2024	HTCPL00002	29/02/2024	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024			3384	1.094.100	
29/02/2024	HTCPL00002	29/02/2024	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024			3386	364.700	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			911		108.536.781
29/02/2024	PBCC00004	29/02/2024	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2024			242	142.235	
			- Cộng số phát sinh				**108.536.781**	**108.536.781**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**108.536.781**	**108.536.781**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính của công ty là tiền thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công công trình; lãi vay ngân hàng;…

Chứng từ liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ, hợp đồng cho thuê….

Sổ sách kế toán sử dụng: sổ cái và sổ chi tiết TK 635, sổ nhật ký chung

Quy trình xử lý nghiệp vụ kế toán: Hàng ngày, khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí tài chính, kế toán căn cứ vào các chứng từ (phiếu chi, giấy báo nợ,…) nhập dữ liệu vào máy tính. Phần mềm kế toán sẽ tự động ghi vào các sổ kế toán liên quan.

Tài liệu thực tế: Ngày 22/2/2024 trả tiền thuê máy xúc lật bánh lốp LG933L dựa theo hợp đồng cho thuê máy số 20122021/HDTM/MNT-MP của Công ty TNHH Xây dựng Minh Ngọc Thuận.

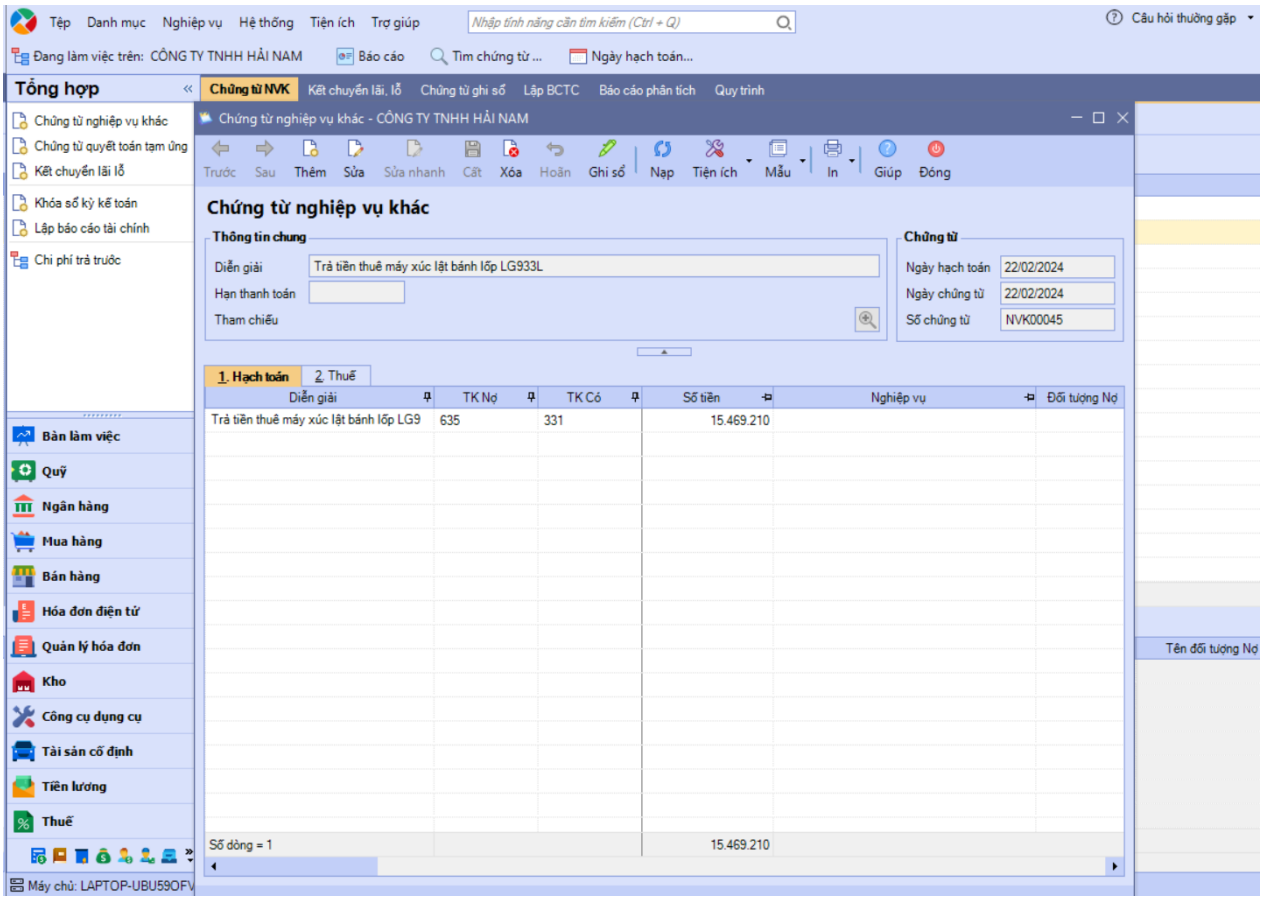

Hình 2.13: Giao diện màn hình nhập liệu trả tiền thuê máy xúc lật bánh lốp LG933L

Biểu 2.17: Sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính *Đơn vị tính:*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
22/02/2024	NVK00045	22/02/2024	Trả tiền thuê máy xúc lật bánh lốp LG933L			331	15.469.210	
25/02/2024	UNC00036	25/02/2024	Trả lãi vay ngân hàng			1121	2.563.014	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			911		18.032.224
			- Cộng số phát sinh				**18.032.224**	**18.032.224**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**18.032.224**	**18.032.224**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 01
- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Quy trình về kế toán chi phí khác:

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí khác thì kế toán sẽ nhận được các chứng từ như: HĐ GTGT, biên bản vi phạm hợp đồng thì kế toán thanh toán chuyển cho kế toán trưởng hoặc ban GĐ ký. Các chứng từ sau khi được ký duyệt sẽ được chuyển cho kế toán thanh toán để lập UNC hoặc phiếu chi. Phiếu chi đã lập chuyển cho thủ quỹ liên 1 để chi tiên rồi chuyển lại cho kế toán thanh toán. UNC đã duyệt, liên 1 chuyển cho ngân hàng, liên 2 chuyển cho kế toán thanh toán. Kế toán sau khi ghi nhận các chứng từ thì sẽ cập nhật vào máy để ghi sổ chi tiết các TK 111,1121, 811.

Chứng từ sử dụng:

Phiếu chi

Hóa đơn GTGT - UNC

Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác

Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Trong tháng 2/2024 không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh nào liên quan đến chi phí khác.

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế TNDN

Chứng từ kế toán sử dụng: Tờ khai thuế TNDN, giấy nộp tiền vào NSNN, phiếu chi

Công ty đang áp dụng thuế suất 20%

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất thuế TNDN

Trong đó:

Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế - (Thu nhập được miễn thuế + Các khoản lỗ được kết chuyển)

Thu nhập chịu thuế = (Doanh thu – Chi phí được trừ) + Các khoản thu nhập khác

- **Cách hạch toán thuế TNDN tạm tính trên phần mềm**

Căn cứ vào tờ khai thuế TNDN để kế toán tiến hành nhập liệu:

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 2 năm 2024

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

☐ Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

☐ Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): 0.00 %

Tên người nộp thuế : **CÔNG TY TNHH HẢI NAM**

Mã số thuế: 2700274779

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	257,321,323
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	257,321,323
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	257,321,323
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (B14=B12-B13)	B14	0
C	**Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		

1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	257,321,323
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	257,321,323
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	257,321,323
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	257,321,323
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác	C9a	0.00
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10 =(C7x22%)+(C8x20%)+(C9xC9a))	C10	51,464,265
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	0
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0
9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	0
10	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
11	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	51,464,265

D	**Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)**	**D**	**51,464,265**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	51,464,265
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
E	**Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E=E1+E2+E3)**	**E**	**0**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
G	**Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G=G1+G2+G3)**	**G**	**51,464,265**
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1=D1-E1)	G1	51,464,265
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2=D2-E2)	G2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3=D3-E3)	G3	0
H	**20% Thuế TNDN phải nộp (H=D*20%)**	**H**	**10,292,853**
I	**Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I=G-H)**	**I**	**41,174,412**

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có):

[L1] Đối tượng được gia hạn ☐

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo

[L3] Thời hạn được gia hạn

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn 0

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn 0

M.Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

[M1] Số ngày chậm nộp 0.00 ngày, từ ngày 01/02/2025 đến ngày

[M2] Số tiền chậm nộp 0

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
1	

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:

Họ và tên | Người ký Trần Thị Thanh Hòa

Chứng chỉ hành nghề số | Ngày ký 29/02/2024

Hình 2.14: Tờ khai quyết toán thuế TNDN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[01]**	**3,085,350,000**
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	[02]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])**	**[03]**	**0**
a	Chiết khấu thương mại	[04]	0
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	0
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[08]**	**739,398**
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])**	**[09]**	**2,810,735,851**
a	Giá vốn hàng bán	[10]	2,563,746,270
b	Chi phí bán hàng	[11]	138,452,800
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	108,536,781
5	**Chi phí tài chính**	**[13]**	**18,032,224**
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])**	**[15]**	**257,321,323**
7	**Thu nhập khác**	**[16]**	**0**
8	**Chi phí khác**	**[17]**	**0**
9	**Lợi nhuận khác ([18]=[16]-[17])**	**[18]**	**0**
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19]=[15]+[18])**	**[19]**	**257,321,323**

Hình 2.15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mở phần mềm Misa vào phân hệ Tổng hợp chọn "Chứng từ nghiệp vụ khác', chọn chức năng "Thêm" như hình sau:

Ô diễn giải: Hạch toán thuế TNDN phải nộp năm 2024"

Chọn ngày hạch toán và ngày chứng từ 29/02/2024

TK Nợ: 821

TK Có: 3334

Chọn cất để lưu.

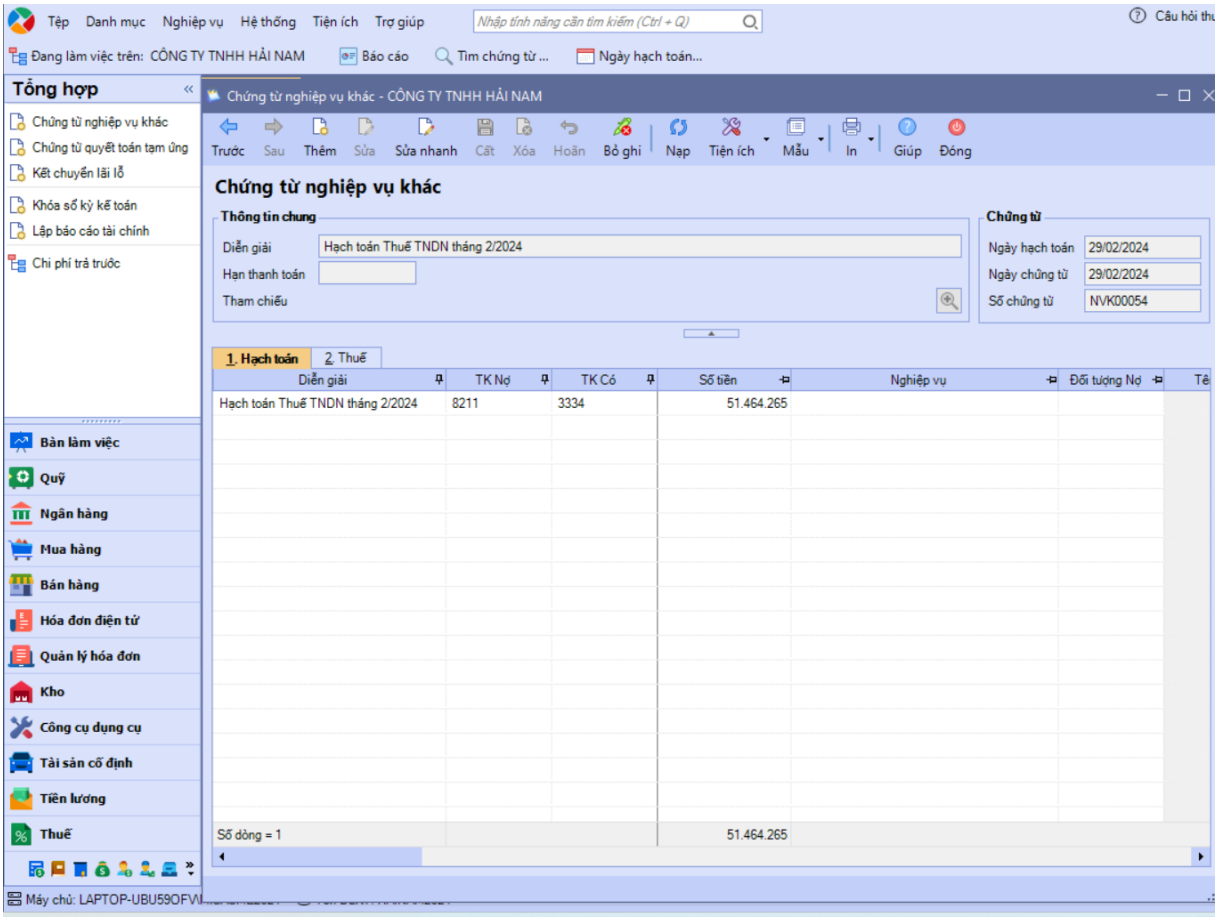

Hình 2.16: Giao diện hạch toán thuế TNDN phải nộp năm 2024

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tại Công ty: Cuối kỳ, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, thu nhập khác cùng với chi phí tài chính và chi phí khác vào TK 911 để xác định kết quả và xác định số thuế TNDN tạm nộp. Số thuế này sẽ được hạch toán vào TK 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành và được kết chuyển sang TK 911 để xác định lợi nhuận sau thuế TNDN.

Phần mềm kế toán cho phép thực hiện các bút toán kết chuyển tự động thông qua bảng kết chuyển.

- Cách lập phần mềm

Bước 1: Mở phần mềm MISA

Bước 2: Vào tổng hợp/ Vào "Kết chuyển lãi lỗ", chọn ngày kết chuyển , phần mềm sẽ tự động kết chuyển.

Bước 3: Lưu

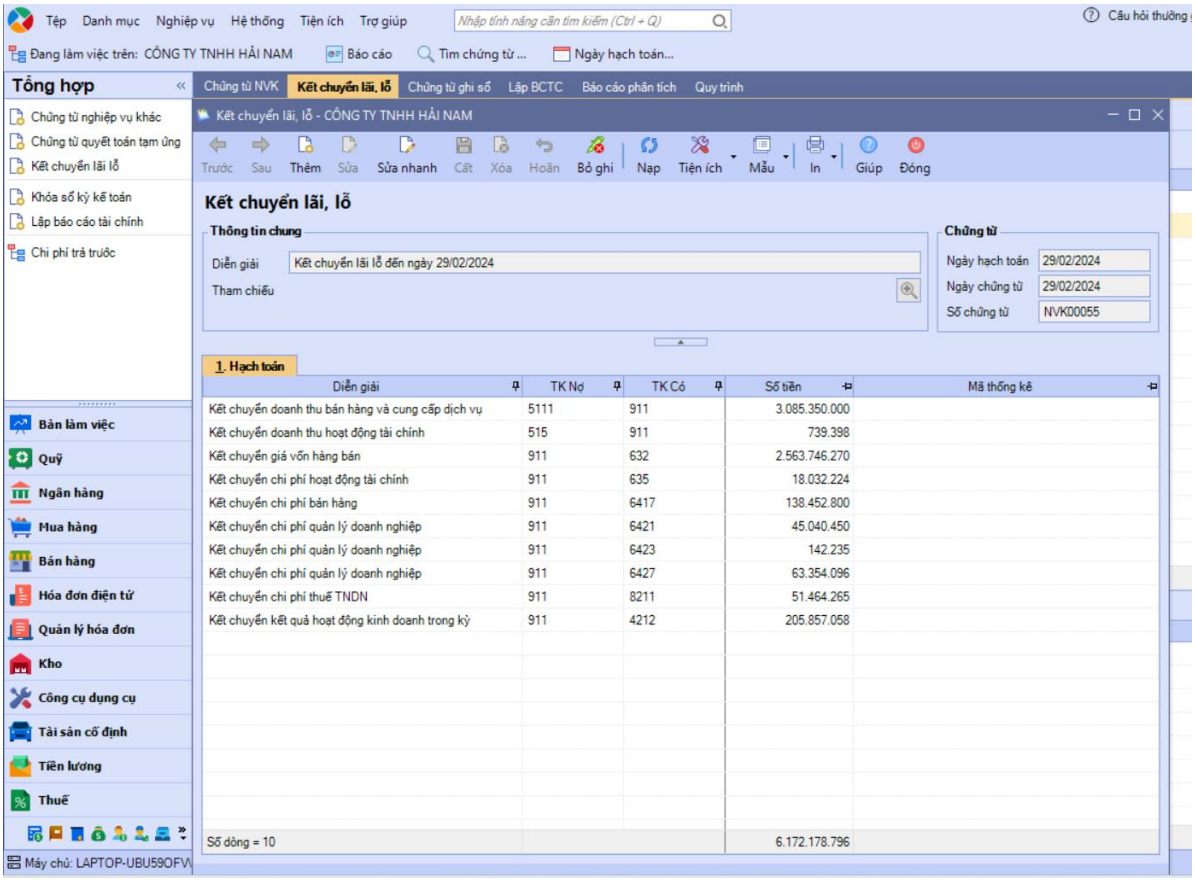

Hình 2.17: Giao diện kết chuyển lãi lỗ trên phần mềm Misa

Biểu 2.18: Sổ cái TK 421

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối *Đơn vị tính:*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			911		205,857,058
			- Cộng số phát sinh					**205,857,058**
			- Số dư cuối kỳ					**205,857,058**
			- Cộng lũy kế từ đầu năm					**205,857,058**

- Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
- Ngày mở sổ: .....

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu 2.19: Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH HẢI NAM
Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tháng 02 năm 2024

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh *Đơn vị tính: VND*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			4212	205.857.058	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			5111		3.085.350.000
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			515		739.398
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			632	2.563.746.270	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			635	18.032.224	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			6417	138.452.800	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			6421	45.040.450	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			6423	142.235	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			6427	63.354.096	
29/02/2024	NVK00055	29/02/2024	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024			8211	51.464.265	
			- Cộng số phát sinh				**3.086.089.398**	**3.086.089.398**
			- Số dư cuối kỳ					
			- Cộng lũy kế từ đầu năm				**3.086.089.398**	**3.086.089.398**

Biểu 2.20: Sổ Nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 02 năm 2024

Ngày hạch toán	Ngày chứng từ	Số chứng từ	Diễn giải	Tài khoản	TK đối ứng	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
…			…				
14/02/2024	14/02/2024	BH00011	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn 39	131	5111	288,000,000	0
14/02/2024	14/02/2024	BH00011	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn 39	5111	131	0	288,000,000
14/02/2024	14/02/2024	BH00011	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn 39	131	33311	28,800,000	0
14/02/2024	14/02/2024	BH00011	Bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn 39	33311	131	0	28,800,000
14/02/2024	14/02/2024	XK00009	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn 39	632	1561	240,810,946	0
14/02/2024	14/02/2024	XK00009	Xuất kho bán hàng CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG BÌNH MINH theo hóa đơn 39	1561	632	0	240,810,946
…			…				
18/02/2024	18/02/2024	MH000023	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH VẪN TRƯỜNG theo hóa đơn 25	6417	331	96,435,600	0
18/02/2024	18/02/2024	MH000023	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH VẪN TRƯỜNG theo hóa đơn 25	331	6417	0	96,435,600
18/02/2024	18/02/2024	MH000023	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH VẪN TRƯỜNG theo hóa đơn 25	1331	331	9,643,560	0
18/02/2024	18/02/2024	MH000023	Thanh toán tiền thuê vận chuyển của CÔNG TY TNHH VẪN TRƯỜNG theo hóa đơn 25	331	1331	0	9,643,560

…			…				
22/02/2024	22/02/2024	NVK00045	Trả tiền thuê máy xúc lật bánh lốp LG933L	635	331	15,469,210	0
22/02/2024	22/02/2024	NVK00045	Trả tiền thuê máy xúc lật bánh lốp LG933L	331	635	0	15,469,210
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	6421	3341	36,470,000	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3341	6421	0	36,470,000
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	6421	3386	364,700	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3386	6421	0	364,700
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3341	3386	364,700	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3386	3341	0	364,700
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	6421	3383	6,382,250	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3383	6421	0	6,382,250
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3341	3383	2,917,600	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3383	3341	0	2,917,600
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	6421	3384	1,094,100	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3384	6421	0	1,094,100
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3341	3384	547,050	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3384	3341	0	547,050
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	6421	3382	729,400	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3382	6421	0	729,400
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3341	3335	38,463	0
29/02/2024	29/02/2024	HTCPL00002	Hạch toán chi phí lương tháng 2 năm 2024	3335	3341	0	38,463
29/02/2024	29/02/2024	NTTK000048	Thu từ lãi tiền gửi	1121	515	737,949	0
29/02/2024	29/02/2024	NTTK000048	Thu từ lãi tiền gửi	515	1121	0	737,949

29/02/2024	29/02/2024	NTTK000049	Thu từ lãi tài khoản	1121	515	1,449	0
29/02/2024	29/02/2024	NTTK000049	Thu từ lãi tài khoản	515	1121	0	1,449
29/02/2024	29/02/2024	NVK00054	Hạch toán Thuế TNDN tháng 2/2024	8211	3334	51,464,265	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00054	Hạch toán Thuế TNDN tháng 2/2024	3334	8211	0	51,464,265
29/02/2024	29/02/2024	PBCC00004	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2024	6423	242	142,235	0
29/02/2024	29/02/2024	PBCC00004	Phân bổ chi phí CCDC tháng 2 năm 2024	242	6423	0	142,235
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	5111	911	3,085,350,000	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	5111	0	3,085,350,000
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	515	911	739,398	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	515	0	739,398
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	632	2,563,746,270	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	632	911	0	2,563,746,270
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	635	18,032,224	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	635	911	0	18,032,224
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	6417	138,452,800	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	6417	911	0	138,452,800
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	6421	45,040,450	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	6421	911	0	45,040,450
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	6423	142,235	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	6423	911	0	142,235
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	6427	63,354,096	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	6427	911	0	63,354,096
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	8211	51,464,265	0

29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	8211	911	0	51,464,265
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	911	4212	205,857,058	0
29/02/2024	29/02/2024	NVK00055	Kết chuyển lãi lỗ đến ngày 29/02/2024	4212	911	0	205,857,058
Số dòng = 112						15,471,084,037	15,471,084,037

Cuối kỳ kế toán muốn khóa sổ thì ta mở Phần mềm MISA sau đó chọn màn hình phần "Tổng hợp" chọn "Khóa sổ kỳ kế toán". Trong phần "Chọn ngày khóa sổ kế toán" nhập "29/02/2024" sau đó nhấn nút "Thực hiện" để tiến hành khóa sổ kỳ kế toán tháng 2/2024.

Trình bày thông tin của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hải Nam trên Báo cáo tài chính

Các thông tin liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hải Nam được trình bày ở các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

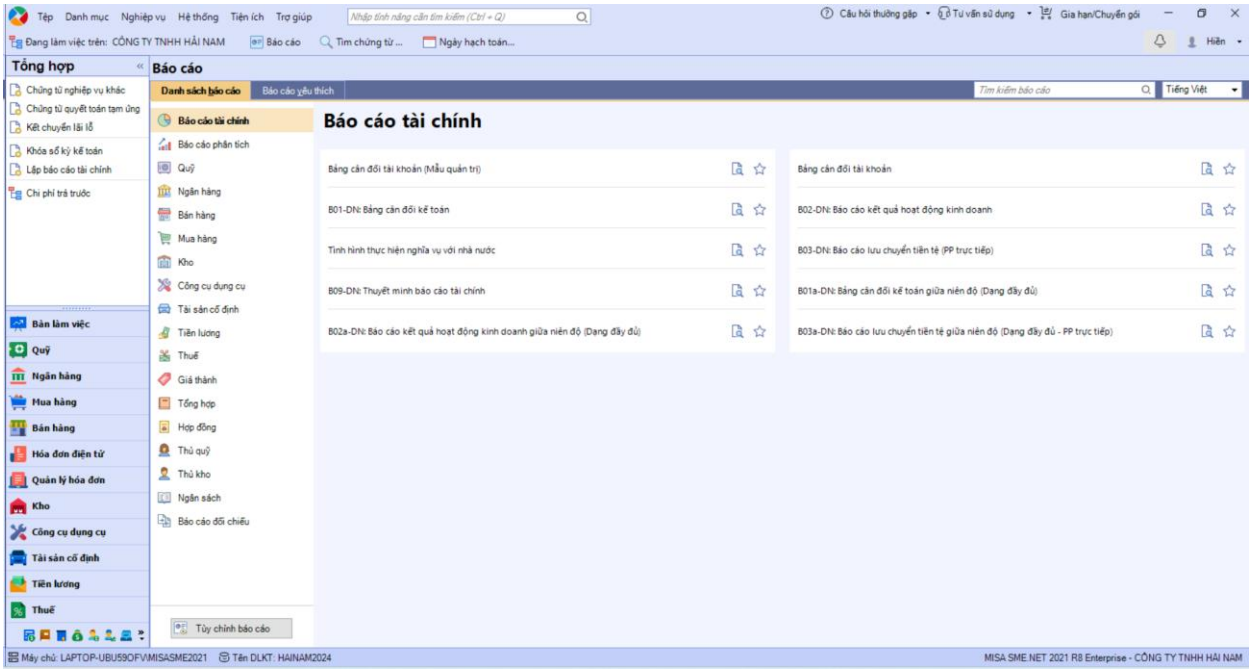

Hình 2.18: Giao diện xem BCTC trên phần mềm Misa

Biểu 2.21: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH HẢI NAM

Số nhà 06, đường Ngô Gia Tự, phố Ngọc Hà, Phường Nam Bình,

Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Mẫu số: B02-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng 02 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	3.085.350.000	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.085.350.000	
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	2.563.746.270	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		521.603.730	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	739.398	
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	18.032.224	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	138.452.800	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	108.536.781	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		257.321.323	
11. Thu nhập khác	31	VII.6		
12. Chi phí khác	32	VII.7		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		257.321.323	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	51.464.265	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		205.857.058	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Ghi chú: *(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần*

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM

2.3.1. Ưu điểm

Về cơ bản Công ty TNHH Hải Nam đã chấp hành tốt nguyên tắc, chế độ chính sách của bộ Tài Chính ban hành, chấp hành và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà Nước. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty đã cung cấp được những thông tin cần thiết cho lãnh đạo Công ty và các bộ phận quan tâm. Số liệu kế toán đã phản ánh đúng thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghiệp vụ phát sinh tại đơn vị được cập nhật một cách đầy đủ, kịp thời theo dõi đối tượng sử dụng, đây là cơ sở bảo đảm cho việc phát triển thị trường tiêu thụ, tăng cao lợi nhuận. Cụ thể:

✓ *Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ:* Công ty sử dụng hóa đơn điện tử theo TT78, việc sử dụng hóa đơn điện tử giúp cho việc lưu trữ chứng từ thuận tiện hơn, tránh bị thất lạc trong quá trình gửi cho khách hàng. Đồng thời việc xử lý chứng từ gọn lẹ, giúp giảm thời gian và công sức cho bộ phận kế toán của Công ty. Các chứng từ luôn có đầy đủ những thông tin cần thiết, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ theo quy định của Bộ tài Chính là cơ sở để ghi sổ kế toán, để kiểm tra, thanh tra và xác minh nghiệp vụ. Quy trình lập và luân chuyển các chứng từ được tiến hành theo đúng quy định, đảm bảo sự kiểm soát của các bên và các cấp liên quan. Sau khi được sử dụng, hàng tháng chứng từ được tập hợp thành từng tập và được lưu trữ tại phòng kế toán.

✓ *Về hệ thống sổ sách kế toán:* Công ty áp dụng việc ghi sổ theo hình thức NKC trên phần mềm kế toán Misa. Phần mềm có giao diện đẹp, rõ ràng, dễ sử dụng nên việc nhập liệu được tiến hành dễ dàng, tiết kiệm thời gian, công sức. Với phần mềm này, hệ thống sổ sách của Công ty bao gồm khá đầy đủ sổ chi tiết, sổ tổng hợp các tài khoản, mẫu sổ phù hợp với quy định hiện hành. Các sổ chi tiết được thiết kế phù hợp đã tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán, các nhà quản lý công ty trong việc phân tích các hoạt động kinh tế. Số liệu sau khi được nhập sẽ tự động cập nhật vào hệ thống các sổ sách và báo cáo liên quan. Kế toán có thể in Báo cáo cần thiết một cách

nhanh chóng và chính xác theo yêu cầu của Ban lãnh đạo, phục vụ kịp thời cho việc ra các quyết định kinh tế tài chính.

✓ *Về thời điểm ghi nhận và điều kiện ghi nhận doanh thu, chi phí:* thời điểm ghi nhận doanh thu tại công ty ngay sau khi chuyển giao hàng hóa cho người mua. Công ty bán hàng có xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí đảm bảo đúng nguyên tắc.

✓ *Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:* nhìn chung công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với công tác quản lý hiện nay của doanh nghiệp. Mặc dù có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhưng việc hạch toán vẫn được hạch toán hợp lý, đầy đủ, kịp thời, chính xác vào chứng từ và sổ sách theo nguyên tắc kế toán nhà nước đã ban hành.

Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp áp dụng đúng theo "Nguyên tắc ghi nhận doanh thu", chi phí cũng được theo dõi một cách có hệ thống nên tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2.3.2. Hạn chế

Tuy đã đạt được kết quả hết sức khả quan trong những năm qua nhưng trong quá trình kinh doanh và công tác kế toán của công ty cũng bộc lộ những khiếm khuyết nhất định. Những hạn chế này không lớn song khắc phục được thì Công ty sẽ đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn và lợi thế trong cạnh tranh đó là:

Thứ nhất, về sổ sách kế toán: hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Misa, ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung. Tuy nhiên, thực tế Công ty chỉ tiến hành in ấn và lưu trữ một số sổ như: Sổ chi tiết các tài khoản 111, 112, 131, 331; Sổ Nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản sử dụng, còn các sổ chi tiết khác chỉ xem trên máy hoặc khi có đoàn thanh tra, kiểm tra mới bắt đầu tiến hành in ấn. Như vậy lượng dữ liệu cung cấp đầu vào thông tin đã được cập nhật từ các chứng từ, giấy tờ đều được lưu trữ trên máy. Điều này không phù hợp với quy định trong Luật kế toán và Nghị định số 174/2016/NĐ-Cp quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán. Cũng như sẽ ảnh hưởng đến các rủi ro về độ an toàn, bảo mật thông tin và hoạt động hiệu quả của hệ thống thông tin kế toán. Vì vậy, thông tin được cung cấp không được

đảm bảo độ chính xác, trung thực, kịp thời và khách quan cho các đối tượng sử dụng. Đồng thời, các dữ liệu lưu trữ trên máy của các nhân viên sẽ dễ dàng truy cập dẫn đến những sai sót, gian lận.

Thứ hai, về tài khoản sử dụng: hiện nay công ty không sử dụng TK 157 – "Hàng gửi bán" để phản ánh trị giá hàng đang gửi đi bán chưa được khách hàng thanh toán. Trong điều kiện hiện nay, công ty thường thuê dịch vụ vận chuyển bên ngoài để chuyển hàng, thời gian vận chuyển thường từ 1 – 2 ngày vì khối lượng hàng hóa lớn, cồng kềnh.

Thứ ba, về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu: Hiện tại công ty chỉ áp dụng một mức chiết khấu, điều này có thể làm hạn chế sự kích thích mua hàng của khách hàng.

Thứ tư, về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Công ty không có bộ phận bán hàng riêng, nên một người phải đảm nhận nhiều mảng công việc khác nhau, các chi phí như lương, điện nước,... được hạch toán hết sang chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thứ năm, về công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Theo điều 5 trong hợp đồng kinh tế ghi rõ bên A (bên mua hàng) sẽ thanh toán khoản nợ trong vòng 30 ngày. Nếu bên A vi phạm thỏa thuận về thời gian thanh toán ghi rõ trong hợp đồng thì ngoài khoản tiền mua hàng bên A sẽ phải trả thêm số tiền phạt bằng 0.5% giá trị thanh toán còn thiếu cho mỗi ngày chậm thanh toán.

Nhưng thực tế thì có rất nhiều khách hàng vẫn thanh toán chậm các khoản nợ trên còn việc thu phạt thì không được diễn ra vì vậy ảnh hưởng rất lớn đến chu kỳ quay vòng vốn.

Công ty không tiến hành lập bất cứ dự phòng nào liên quan đến các khoản nợ phải thu khó đòi. Một số khách hàng thường mua với số lượng và số tiền lớn mà thanh toán chậm, quá niên độ kế toán, nên những khoản nợ này công ty cần xem xét, tính toán hợp lý vào chi phí quản lý kinh doanh. Để hạn chế rủi ro công ty cần lưu ý về việc lập dự phòng phải thu khó đòi

Thứ sáu, về kế toán quản trị: Hiện nay Công ty chưa có kế toán quản trị riêng chỉ là nhân viên kế toán kiêm kế toán quản trị, thực chất Công ty chưa phân rõ chức năng kế toán quản trị cho phòng kế toán. Vì thế chưa phát huy được lợi ích của kế toán quản trị mang lại. Phòng kế toán chỉ đơn giản là cung cấp thông tin và kết quả kinh doanh của Công ty, chưa phân tích từ đó đưa ra phương án kinh doanh cho Công ty.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN

Hiện nay, cơ chế thị trường đã mang lại sự bình đẳng cho tất cả các thành phần kinh tế, nhưng cũng đồng thời tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt bắt buộc các doanh nghiệp phải độc lập, tự chủ trong quá trình hoạt động. Muốn tồn tại và phát triển được đòi hỏi các doanh nghiệp luôn cố gắng tổ chức tốt hoạt động kinh doanh của mình. Đồng thời nắm bắt được các quy luật kinh tế thị trường như quy luật cung cầu, quy luật giá trị… để phục vụ cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và hơn thế nữa là nhằm đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Muốn vậy, các nhà quản lý phải nắm bắt và sử dụng đồng thời nhiều công cụ quản lý khác nhau sao cho hợp lý nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí là một công cụ không thể thiếu trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế của một doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp xây dựng. Nó là bộ phận cung cấp thông tin về công tác cung cấp dịch vụ và kết quả kinh doanh, giúp nhà quản lý đánh giá được các điểm mạnh trong hoạt động kinh doanh. Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề cần thiết đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Để đạt được điều đó thì cần phải tuân theo các yêu cầu và nguyên tắc sau:

➢ Yêu cầu hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra, giám sát.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác cung cấp thông tin kịp thời cho việc ra quyết định của các đối tượng cả bên trong và ngoài doanh nghiệp.
- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, công khai minh bạch.
- Đảm bảo tiết kiệm chi phí và có hiệu quả thực thi cao.

➢ Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải tuân thủ chuẩn mực, nguyên tắc, chế độ kế toán hiện hành, trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, các chính sách của Nhà nước, đảm bảo tính linh hoạt, sáng tạo.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm tổ chức kinh doanh của ngành nói chung, của Công ty nói riêng nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất, phải đem lại hiệu quả cao, phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán.
- Đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời, trung thực và khách quan để đảm bảo cho quản lý của doanh nghiệp.
- Tổ chức công tác kế toán phải phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ quản lý, cán bộ kế toán trong Công ty.
- Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đặt trong mối quan hệ với các phần hành kế toán khác để công tác kế toán của toàn Công ty có sự thống nhất, hỗ trợ và bổ sung cho nhau, phải đảm bảo tiết kiệm trong việc sử dụng chi phí, hệ thống nhân sự nhưng phải hiệu quả trong việc sử dụng nhân lực và hiệu quả trong kinh doanh.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẢI NAM

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả cung cấp dịch vụ xây dựng các công trình thủy lợi, nhà máy thủy điện tại công ty đã có nhiều cố gắng trong cải tiến, đổi mới nhưng bên cạnh đó vẫn tồn tại một số khâu cần sửa đổi hoàn thiện hơn. Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn công tác tại công ty, em xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để công ty xem xét.

✓ ***Thứ nhất, về sổ sách kế toán:***

Công ty nên tiến hành in ấn và lưu trữ sổ sách, chứng từ theo đúng quy định của Luật Kế toán, của Bộ Tài chính. Mẫu biểu trong phần mềm phải đáp ứng đúng quy định cũng như quy mô và hoạt động kinh doanh của Công ty. Phân quyền truy cập hệ thống, sử dụng mật khẩu để xác định đúng người sử dụng, quy định một người có thể thực hiện hoạt động nào trong số các hoạt động được phép truy cập, khóa bàn phím. Giám sát hoạt động truy cập, nhật ký truy cập.

✓ ***Thứ hai, về tài khoản sử dụng:***

Công ty nên sử dụng TK 157 – "Hàng gửi bán" để phản ánh trị giá hàng gửi đi bán chưa được khách hàng thanh toán để theo dõi, quản lý hàng hóa chặt chẽ hơn, hạn chế thất thoát hàng hóa trong suốt quá trình từ khi xuất hàng cho đến khi khách hàng chấp nhận thanh toán.

Nguyên tắc hạch toán tài khoản 157 – Hàng gửi bán

+ Chỉ phản ánh vào tài khoản 157 "Hàng gửi đi bán" trị giá của hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi cho khách hàng, gửi bán đại lý, ký gửi, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng theo hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng, nhưng chưa được xác định là đã bán (chưa được tính là doanh thu bán hàng trong kỳ đối với số hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng).

+ Hàng hóa, thành phẩm phản ánh trên tài khoản này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng loại hàng hoá, thành phẩm, từng lần gửi hàng từ khi gửi đi cho đến khi được xác định là đã bán.

+ Không phản ánh vào tài khoản này chi phí vận chuyển, bốc xếp, … chi hộ khách hàng. Tài khoản 157 có thể mở chi tiết để theo dõi từng loại hàng hoá, thành phẩm gửi đi bán, dịch vụ đã cung cấp cho từng khách hàng, cho từng cơ sở nhận đại lý.

✓ ***Thứ ba, về kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:***

Công ty nên lập nhiều mức chiết khấu để thúc đẩy bán hàng, ví dụ cụ thể như:

+ Chiết khấu 1% đối với khách mua hàng với số lượng trên 100 tấn của từng mặt hàng (áp dụng với tất cả các loại than)

+ Chiết khấu 2% đối với khách mua hàng với số lượng trên 150 tấn của từng mặt hàng (áp dụng với tất cả các loại than)

+ Chiết khấu 3% đối với khách mua hàng với số lượng trên 200 tấn của từng mặt hàng (áp dụng với tất cả các loại than)

✓ ***Thứ tư, về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:***

Công ty nên thiết lập bộ phận bán hàng riêng để phản ánh chính xác các chi phí thực tế phát sinh và phân chia khối lượng công việc hợp lý. Bên cạnh đó giúp cho nhà quản lý dễ dàng nắm bắt được tình hình bán hàng của công ty từ đó đưa ra các chính sách phù hợp giúp nâng cao kế toán bán hàng.

✓ ***Thứ năm, về công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi:***

Thường xuyên xác nhận công nợ với khách hàng tốt nhất là sau mỗi lần xuất bán, xây dựng hạn mức công nợ cho từng khách hàng, lên kế hoạch và thường xuyên định kỳ thu nợ khách hàng.

Xây dựng chính sách giá bán và khuyến mãi rõ ràng cho từng phân nhóm, từng khu vực khách hàng.

Lên kế hoạch trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên nguyên tắc thận trọng và phù hợp, tìm hiểu tập hợp đủ các hóa đơn, chứng từ cần thiết để trích lập dự phòng

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán. Công ty tính toán khoản nợ có khả

năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

Công ty phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng theo từng khoản nợ phải thu khó đòi.

Khoản nợ phải thu phải có chứng từ gốc và có đối chiếu xác nhận nợ bao gồm hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ,... Mức trích lập dự phòng được quy định

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

TK sử dụng: TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản, chi tiết TK 2293 - Dự phòng nợ phải thu khó đòi, tài khoản này theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, từng khoản phải thu khó đòi mà doanh nghiệp đã lập dự phòng.

(1) Vào cuối niên độ kế toán, khi trích lập khoản dự phòng kế toán ghi:

Nợ TK 642

Có TK 2293

(2) Cuối niên độ kế toán tiếp theo, nếu số cần trích lập nhỏ hơn số đã trích lập năm trước thì tiến hành hoàn nhập dự phòng:

Nợ TK 2293: Số chênh lệch

Có TK 642: Số chênh lệch

✓ ***Thứ sáu, về tổ chức kế toán quản trị:***

Để đáp ứng nhu cầu thông tin cho các nhà quản trị về tình hình tài chính của Công ty, Công ty nên có sự chuyên biệt giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính nhằm phân tích kịp thời, chính xác khách quan về tình hình tài chính và khả năng thanh toán của Công ty. Từ đó các nhà quản trị mới có được biện pháp kịp thời, sáng suốt trong việc đưa ra các quyết định đầu tư, kinh doanh. Vệc xây dựng mô hình kế toán quản trị đối với đơn vị kinh doanh là một yêu cầu tất yếu và khách quan.

Công ty cần thiết lập hệ thống kế toán quản trị, tổ chức nhân viên kế toán quản trị, đồng thời tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính, để kế toán quản trị thực hiện đúng vai trò và chức năng của mình.

3.3. KIẾN NGHỊ THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

3.3.1. Kiến nghị về phía nhà nước và cơ quan chức năng

Để thực hiện các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam đòi hỏi phải có các điều kiện và biện pháp cụ thể từ phía Nhà nước và các cơ quan chức năng.

➢ *Về công tác quản lý:*

Ổn định chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tài khóa, tín dụng.

Nhà nước cần xem xét lại các quy định quản lý tài chính không phù hợp về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, cần loại bỏ các chi phí quá cụ thể, những quy định mang tính bắt buộc, để các doanh nghiệp có tính độc lập trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước.

Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế tài chính một cách đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thông thoáng để các doanh nghiệp hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập sâu rộng.

➢ *Về kế toán:*

Nhà nước tiếp tục xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lý về kế toán đồng bộ, thống nhất. Luật kế toán, chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán đã được ban hành khá đầy đủ nhưng có một số nội dung quy định chưa thực sự đảm bảo tính thống nhất, logic với nhau trong một chuẩn mực hay giữa các chuẩn mực với nhau. Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong hạch toán và tính khả thi trong việc áp dụng các chuẩn mực kế toán thì một mặt phải tiếp tục xây dựng hệ thống kế toán, mặt khác phải không ngừng hoàn thiện hệ thống này để đáp ứng ngày càng cao việc thu thập, phản ánh, xử lý, cung cấp thông tin từ thực tiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tiếp tục cải cách và phát triển các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán như: Hội đồng quốc gia kế toán, Hội kế toán và kiểm toán Việt Nam.

Khuyến khích và tăng cường các hoạt động tư vấn tài chính kế toán kiểm toán. Tăng cường đào tạo đọi ngũ chuyên gia kế toán có trình độ cao, đáp ứng mọi nhu cầu trong lĩnh vực kế toán.

3.3.2. Kiến nghị đối với Công ty TNHH Hải Nam

Sự hiệu quả trong công tác quản lý ảnh hưởng tích cực tới mọi hoạt động của doanh nghiệp và ảnh hưởng tích cực tới mọi hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai. Chính vì vậy, yêu cầu về thông tin quản lý tại các doanh nghiệp ngày càng được coi trọng. Để các giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực sự có hiệu quả Công ty TNHH Hải Nam cần thực hiện những vấn đề sau:

- Công ty cần định hướng tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán chặt chẽ, chuyên môn hóa cao hơn. Một bộ máy kế toán hợp lý sẽ giúp việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin diễn ra nhịp nhàng, nhanh chóng. Để hệ thống kế toán hoạt động hiệu quả thì ngoài việc tuyển thêm nhân viên kế toán và tổ chức lại bộ máy kế toán, công ty cần chú trọng đến việc bồi dưỡng nhân lực, tuyển chọn và đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, có khả năng xử lý công việc nhanh và hiệu quả. Cán bộ công nhân viên kế toán không chỉ dừng lại ở việc đọc và hiểu Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán, các văn bản pháp quy mà còn phải tăng cường học hỏi, tìm đọc những tin tức mới nhất về thị trường, về các chính sách kinh tế mới của Nhà nước để có thể bao quát được rộng hơn lĩnh vực mình đang làm, phản ứng tốt trước những sự kiện, nghiệp vụ mới.
- Cần tạo môi trường làm việc thoải mái tránh căng thẳng cho nhân viên để nhân viên có thể hoàn thành tốt các công việc được giao một cách có hiệu quả nhất. Có chế độ lương thưởng thích hợp, xứng đáng với công sức lao động của công nhân viên để công nhân viên trong công ty không ngừng phấn đấu góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Trong kỳ kinh doanh tới, công ty cần có những chính sách hợp lý trong việc huy động vốn, ngoài nguồn vốn tự có công ty cần phải huy động nguồn từ bên ngoài để tạo điều kiện cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, mở rộng thị trường

KẾT LUẬN

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, kế toán là một công cụ quan trọng phục vụ cho việc quản lý nền kinh tế. Công tác hạch toán kế toán ngày càng trở nên hết sức quan trọng đối với mọi loại hình doanh nghiệp hiện nay. Việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh rất cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp, nó cung cấp số liệu kịp thời cho việc phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phản ánh một cách chính xác, đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình hoạt động kinh doanh. Từ đó cung cấp các thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo để hoạch định những chiến lược kinh doanh mới.

Với đề tài *"Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hải Nam"* trong bài khóa luận tốt nghiệp của mình, em đã hiểu rõ hơn những kiến thức được học tập trên ghế nhà trường về tổ chức công tác kế toán, cách thức hạch toán, ghi chép sổ sách kế toán và hiểu hơn về những vấn đề này được vận dụng trong thực tế như thế nào cho phù hợp và linh hoạt.

Em rất mong nhân được sự góp ý, bổ sung của các thầy cô cũng như các cán bộ kế toán tại Công ty TNHH Hải Nam. Em xin chân thành cảm ơn cô Lê Thị Uyên, các thầy cô khoa Kế toán trường Đại học Hoa Lư, các cán bộ, nhân viên phòng kế toán Công ty TNHH Hải Nam đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày… tháng…năm 2024

Sinh viên

Hà Thúy Hiền

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, NXB tài chính, Hà Nội.

2. Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, Nguyễn Năng Phúc (Ch.biên), Nguyễn Thu Hằng, trường Đại học Lao động - Xã hội, 2018.

3. Bộ tài chính (2014), Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 về chế độ kế toán doanh nghiệp.

4. Vũ Thị Thương (2020*), "Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Tân Hoàng Hải NB"*, trường Đại học Hoa Lư.

5. Lã Hữu Đức (2021), *"Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát"*, trường Đại học Hoa Lư.

6. Vũ Thị Hằng (2022), *"Hoàn thiện kế toán quản trị chi phí, doanh thu và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH TM&DV Đại Phát"*, trường Đại học Hoa Lư.

7. Hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính Công ty TNHH Hải Nam năm 2021, 2022, 2023, 2024.